

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian tổ chức đại hội: 8h30' ngày 02/06/2021

Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang

(Lô CII – 3, KCN C, Tp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp)

THỜI GIAN	NỘI DUNG
8h30 – 9h	Đón tiếp cổ đông và làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội
9h – 9h15'	<ul style="list-style-type: none">- Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự.- Báo cáo tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội và công bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành- Giới thiệu và thông qua:<ul style="list-style-type: none">+ Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu, Ban Thư ký, Ban giám sát kiểm phiếu+ Quy chế làm việc tại Đại hội+ Chương trình Đại hội
9h15' – 9h45'	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và Định hướng hoạt động năm 2021- Báo cáo của Công ty kiểm toán về kết quả kiểm toán năm tài chính 2020- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020- Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2020- Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2021- Tờ trình chi thù lao thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên năm 2021; Mức thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận của HĐQT năm 2021- Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021- Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT

	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát - Tờ trình thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức Công ty - Tờ trình thông qua việc hủy phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức còn lại năm 2019 và hủy phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu
9h45' – 10h10'	Đại hội thảo luận
10h10' – 10h30'	Bầu bổ sung TV HĐQT nhiệm kỳ IV (2019 – 2023): <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên - Thông qua Tờ trình danh sách ứng viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên - Ban kiểm phiếu hướng dẫn, tiến hành biểu quyết và bầu cử
10h30' – 10h50'	Giải lao, Kiểm phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử
10h50' – 11h00'	Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết và kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2019 – 2023)
11h00' – 11h15'	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Nghị quyết Đại hội - Thông qua Biên bản Đại hội
11h15' – 11h20'	Bế mạc Đại hội

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 và ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2020

Đại dịch Covid – 19 bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu đã khiến nhiều quốc gia rơi vào tình trạng khó khăn về kinh tế do đó nền kinh tế Việt Nam cũng không ngoại lệ.

Sa Giang là đơn vị sản xuất ở lĩnh vực chế biến thực phẩm nên ngoài những khó khăn chung, Công ty còn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức như:

- Thị trường xuất khẩu chịu áp lực cạnh tranh khốc liệt về các sản phẩm cùng chủng loại của các nước khác như Indonesia, Malaysia, Thái Lan, ... và sự xuất hiện thêm đối thủ cạnh tranh trong nước.

- Tình trạng hàng nhái, hàng giả về nhãn hiệu gây ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu SA GIANG.

Trước tình hình khó khăn trên, HĐQT đã tập trung giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc có giải pháp điều hành linh hoạt để khai thác tốt thế mạnh về thị phần ở thị trường nội địa cùng với lợi thế thương hiệu và uy tín chất lượng sản phẩm. Năm 2020, kết quả sản xuất kinh doanh đạt được như sau:

1.1 Báo cáo các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện Năm 2020	Tỉ lệ % TH/KH	Tỉ lệ % so với năm trước
1. Tổng doanh thu	tỉ đồng	254,3	312,5	122,89	97,58
Doanh thu thuần	tỉ đồng		311,28		97,61
2. Lợi nhuận trước thuế	tỉ đồng	32,6	38,7	118,75	94,5
3. Lợi nhuận sau thuế	tỉ đồng		30,9		94,7
4. Nguồn vốn chủ sở hữu:	tỉ đồng		118,59		98,74
+ Vốn điều lệ	tỉ đồng	71,47	71,47	100	100,00

+ Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	tỉ đồng		47,11		96,89
5. Chia cổ tức	%		10		29
6. Thu nhập bình quân	trđ/tháng		8,0		109,59
7. Lãi cơ bản /cổ phiếu	đồng/CP		4.319		123,29

* Đánh giá:

Nhìn chung, trong năm 2020 Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh như:

- Tổng doanh thu tăng 22,89% so với kế hoạch;
- Sản lượng tiêu thụ tăng 16,18% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế tăng 18,75% so với kế hoạch.

1.2 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty năm 2020

1.2.1. Hoạt động sản xuất chế biến:

- Luôn đầu tư, chế tạo máy móc thiết bị bổ sung hoặc thay thế để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục.

- Tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm, tuyệt đối đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo HACCP, BRC, ISO 9001:2015, qua đó làm tăng sự tin tưởng của khách hàng nhất là khách hàng nước ngoài đối với thực phẩm an toàn, thông qua sự lựa chọn nguồn nguyên liệu tốt nhất của nhà sản xuất.

- Nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu khách hàng và người tiêu dùng.

- Nhà máy sản xuất bột gạo bước đầu tạo ra một phần nguyên liệu cho sản xuất các sản phẩm từ gạo.

- Trong năm, Công ty đã triển khai thực hiện đầu tư dự án Xí nghiệp Sa Giang 3 để tăng năng lực sản xuất các sản phẩm từ gạo như: Phở, hủ tiếu, bún gạo v/v...

1.2.2. Hoạt động kinh doanh:

- Đẩy mạnh mở rộng thị trường mới, khách hàng mới; giữ mối hợp tác tốt với các khách hàng truyền thống; thâm nhập thị trường tiềm năng.

- Linh hoạt trong chính sách giá bán cho từng đối tượng khách hàng và từng thị trường.

- Tập trung tham gia các hội chợ nước ngoài về thực phẩm để quảng bá thương hiệu, sản phẩm.

1.3 Các kết quả khác:

- Thành tích xuất sắc 02 lần liên tục được công nhận danh hiệu " Doanh nghiệp tiêu biểu" " Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiêu biểu", " Doanh nhân năng động sáng tạo". Quyết định số 17/ QĐ-UBND.KT Ngày 16/01/2020

- Đạt danh hiệu " Doanh nghiệp vượt khó thời Covid-19 " có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Quyết định số 1767/PTM-TĐKT Hà Nội, Ngày 07/10/2020.

- Bằng khen của BCH LĐLĐ Tỉnh cho tập thể đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua " Lao động giỏi, lao động sáng tạo" giai đoạn 2015 – 2020, QĐ số 61/QĐ-LĐLĐ ngày 23/04/2020.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của hội đồng quản trị năm 2020

2.1 Các cuộc họp Hội đồng quản trị (HĐQT):

Trong năm 2020, HĐQT đã tiến hành 18 cuộc họp định kỳ và bất thường, trong đó có 09 cuộc họp lấy ý kiến bằng văn bản/quia mail/điện thoại. Ban kiểm soát được mời tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT. HĐQT đã quản lý, chỉ đạo các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và chiến lược phát triển Công ty. Trong từng cuộc họp, HĐQT và Ban kiểm soát đều có đầy đủ các tài liệu để các thành viên tham gia đóng góp, quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty.

STT	BIÊN BẢN	CHỦ TRƯỞNG/NỘI DUNG
1	01/2020/BBHĐQT Ngày 28/02/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 - Thống nhất thông qua dự kiến khởi động lại dự án nhà máy chế biến thực phẩm với phương án 2 (mua nhà xưởng máy móc thiết bị của Công ty CP CNSH Tân Việt Đồng Tháp và đầu tư thêm thiết bị). Giao Ban Tổng Giám đốc bổ sung phương án chi tiết để trình xin ý kiến SCIC và Đại hội đồng cổ đông - Thống nhất đề xuất sản xuất sản phẩm gạo mầm và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua
2	02/2020/BBHĐQT Ngày 08/04/2020 (lấy ý kiến qua mail)	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc xin gia hạn ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 - Thông qua việc Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông (theo thể thức lấy ý kiến bằng văn bản)
3	03/2020/BBHĐQT Ngày 14/04/2020 (lấy ý kiến bằng văn bản)	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các nội dung tổ chức Đại hội cổ đông (theo thể thức lấy ý kiến bằng văn bản) - Thông qua các nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên
4	04/2020/BBHĐQT Ngày 20/04/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C của Công ty CP XNK Sa Giang tại Ngân hàng BIDV CN Sa Đéc để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

5	05/2020/BBHĐQT Ngày 21/04/2020	- Thông qua việc vay vốn và thế chấp tài sản theo quy định của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp
6	06/2020/BBHĐQT Ngày 11/05/2020 (lấy ý kiến qua mail)	- Thông qua thời gian và các tài liệu tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. - Thông qua các nội dung cụ thể liên quan đến thực hiện dự án nhà máy chế biến thực phẩm 6.000 tấn/năm - Thông qua mức tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2019
7	07/2020/BBHĐQT Ngày 09/06/2020	- Thống nhất thông qua ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng mua nhà máy của Công ty CP CNSH Tân Việt Đồng Tháp
8	08/2020/BBHĐQT Ngày 09/06/2020	- Thống nhất thông qua hạn mức vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – CN Sa Đéc. Giao cho Tổng Giám đốc Công ty đại diện Công ty: Thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết và thực hiện các hợp đồng, văn bản liên quan đến việc vay vốn, thế chấp, cầm cố tài sản tại Ngân hàng.
9	09/2020/BBHĐQT Ngày 24/06/2020	- Thống nhất thông qua điều chỉnh hạn mức vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – CN Sa Đéc
10	10/2020/BBHĐQT Ngày 24/06/2020	- Thống nhất chi thưởng HĐQT, BKS, Ban quản lý điều hành
11	11/2020/BBHĐQT Ngày 20/07/2020	- Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức còn lại năm 2019 và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. - Thông qua Lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP HCM - AISC kiểm toán cho năm tài chính 2020. Giao Tổng Giám đốc tiến hành ký kết hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP HCM – AISC.
12	12/2020/BBHĐQT Ngày 12/08/2020 (lấy ý kiến qua mail)	- Thông qua thay đổi tỷ lệ dự kiến phát hành cổ phiếu để trả cổ tức còn lại năm 2019 từ 12,67% thành 12,66%. - Thông qua việc thực hiện phát hành cổ phiếu đồng thời cùng một lúc hai phương án: Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức còn lại năm 2019 và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
13	13/2020/BBHĐQT Ngày 24/08/2020 (lấy ý kiến qua mail)	- Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức còn lại năm 2019 và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu mới, thay thế phương án đã nêu trong Quyết định số 04/2020/QĐ-HĐQT ngày 24/07/2020 và Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐQT ngày 13/08/2020 Về việc điều chỉnh tỷ

		lệ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức còn lại năm 2019.
14	14/2020/BBHĐQT Ngày 28/08/2020	- Thông nhất thông qua thành lập Cửa hàng kinh doanh trực thuộc Công ty tại địa chỉ 88/6 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Tp Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp. Ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục để thành lập cửa hàng và thực hiện các công việc liên quan đến sửa chữa, trang trí, tuyển dụng ra quyết định bổ nhiệm nhân sự đưa Cửa hàng kinh doanh vào hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.
15	15/2020/BBHĐQT Ngày 20/10/2020 (lấy ý kiến qua mail)	- Thông qua nội dung xin gia hạn thời gian Công bố thông tin Phụ lục 19 (ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015) và chậm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu trả cổ tức còn lại năm 2019, tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Dự kiến tháng 11-12/2020 Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin Phụ lục 19 (ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015) và chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu trả cổ tức còn lại năm 2019, tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
16	16/2020/BBHĐQT Ngày 04/01/2020	- Thông nhất thông qua việc ghi nhận thành tích của Ban điều hành trong việc triển khai dự án Sa Giang 3, sẽ xem xét mức khen thưởng khi lập phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.
17	17/2020/BBHĐQT Ngày 27/11/2020 (lấy ý kiến qua mail)	- Việc hợp tác đầu tư cho dự án điện mặt trời với Công ty CP Tập đoàn Điện mặt trời Miền Nam sẽ được HĐQT xem xét sau khi có kết quả thoái vốn của SCIC.
18	18/2020/BBHĐQT Ngày 11/12/2020 (lấy ý kiến qua mail)	- Thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020

2.2 Tình hình hoạt động của HĐQT và kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc năm 2020:

- Hội đồng quản trị đã triển khai các hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Trong năm, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số công việc quan trọng làm cơ sở giúp Ban điều hành quản trị tốt các hoạt động từ khâu sản xuất đến tiêu thụ, đầu tư chế tạo các dây chuyền thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 24/06/2020.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát thường xuyên và liên tục hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị, đảm bảo hạn chế rủi ro cho Công ty. Cụ thể như sau:

+ Thực hiện các quy định về công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với Công ty niêm yết.

- Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò điều hành Công ty, hoàn thành vượt chỉ tiêu doanh thu, sản lượng.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Nhận định tình hình năm 2021:

1.1 Thuận lợi:

- Thương hiệu SA GIANG có uy tín trên thị trường nước ngoài nên có lợi thế trong tiêu thụ xuất khẩu sản phẩm chủ lực và các sản phẩm mới.

- Sản phẩm áp dụng nhiều chương trình quản lý chất lượng phù hợp với nhiều thị trường xuất khẩu như HACCP, BRC, ISO 22000, HALAL, FDA, AOECs, ASC.

- Lợi thế chiếm lĩnh thị phần tại thị trường nội địa đối với sản phẩm BPT.

- Năng lực sản xuất các sản phẩm từ gạo được nâng cao do đầu tư Xí nghiệp Sa Giang 3.

1.2 Khó khăn:

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, khó lường.

- Giá nguyên liệu chính không ổn định làm ảnh hưởng đến chính sách giá bán sản phẩm.

- Có thêm đối thủ cạnh tranh mới trong nước nên luôn đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt tại các thị trường xuất khẩu chủ lực.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2021:

2.1 Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ % KH 2021 so với Thực hiện 2020
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	312,5	440,0	140,80
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	38,7	57,8	149,35
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	30,9	50,3	162,78

2.2 Tỷ lệ cổ tức năm 2021: Dự kiến tỷ lệ cổ tức bằng tiền năm 2021 là 10% -20% trên vốn điều lệ.

3. Định hướng hoạt động:

3.1 Về hoạt động kinh doanh – tài chính:

- Tập trung mở rộng các thị trường xuất khẩu mới và tiềm năng, giữ vững khách hàng truyền thống. Xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng thị trường, đặc biệt là thị trường nước ngoài để thu hút khách hàng và tăng thị phần.

- Mở rộng hệ thống phân phối trong nước, đa dạng hóa các kênh phân phối để tăng độ phủ trên thị trường nội địa; tập trung phân khúc sản phẩm cao cấp ở thị trường thành thị để tăng tỷ trọng tiêu thụ mặt hàng có tỷ lệ lợi nhuận cao.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến giá nguyên vật liệu đi đôi với tính toán nhu cầu và thời điểm thích hợp để có quyết định mua dự trữ với giá tốt nhất nhằm ổn định giá thành sản phẩm.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chi phí; xây dựng, theo dõi, đánh giá hạn mức công nợ.

3.2 Về hoạt động sản xuất, nghiên cứu:

- Luôn đặt tiêu chí chất lượng quan trọng hàng đầu; hợp lý hóa quy trình sản xuất; vận hành dây chuyền sản xuất mới (các sản phẩm từ gạo, bột gạo) có hiệu quả; tối ưu hóa chi phí sản xuất; không ngừng cải tiến máy móc, thiết bị; giảm chi phí vận hành máy móc thiết bị để hạ giá thành.

- Nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm và cải tiến công thức tiên tiến để thỏa mãn tốt nhu cầu và tạo niềm tin với khách hàng nước ngoài.

- Xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn trong đánh giá nhà cung cấp để đảm bảo hiệu quả và an toàn sản phẩm.

- Tập trung theo dõi ảnh hưởng của dịch bệnh tác động đến thị trường tiêu thụ và sản xuất để có những ứng phó kịp thời nhằm duy trì hoạt động của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, Điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang (Công ty) và trên cơ sở thực tiễn công tác kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát (BKS) xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả hoạt động của BKS năm 2020, như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

1. Hoạt động của BKS:

- Số lượng thành viên BKS là 03 người theo cơ cấu như sau:
 - + Bà Huỳnh Thị Bé Ngọc: Trưởng BKS chuyên trách.
 - + Ông Phạm Thanh Tùng: Thành viên BKS (bổ nhiệm từ ngày 03/02/2021).
 - + Ông Nguyễn Trọng Liêm: Thành viên BKS.
 - + Bà Hồng Lệ Vân: Thành viên BKS (miễn nhiệm từ ngày 03/02/2021).
- BKS đã thực hiện đúng vai trò, nhiệm vụ, chú trọng kiểm tra và giám sát các mặt hoạt động của Công ty, cụ thể:
 - + Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị (HDQT).
 - + Giám sát công tác quản trị và điều hành của HDQT và Ban điều hành Công ty.
 - + Kiểm soát hoạt động tài chính của Công ty, phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập xem xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm, nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính theo quy định.
 - + Đánh giá về tính hợp lý, hợp pháp và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý tài chính, đầu tư, kế hoạch kinh doanh và trao đổi trực tiếp với các bộ phận chức năng nhằm phát hiện những rủi ro hoặc thiếu sót.

- BKS được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia thường xuyên các cuộc họp của HDQT và Ban điều hành, đưa ra các kiến nghị về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong năm 2020, BKS không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại của cổ đông về hoạt động của Công ty và quản lý, điều hành của HDQT, Ban Giám đốc.

2. Kết quả giám sát hoạt động của HDQT, Ban điều hành:

- HDQT và Ban điều hành hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và bám sát các nghị quyết ĐHCĐ. HDQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ nhằm đề ra nhiều chiến lược, định hướng, quyết định nhiều chính sách quan trọng về phát triển thị trường, đầu tư nhà xưởng mới, duy trì sản

xuất ổn định trong tình hình dịch bệnh,... hướng đến mục tiêu hoạt động kinh doanh hiệu quả cao.

- Đầu tư thành lập Xí nghiệp Sa Giang 3 chế biến thực phẩm công suất 6.000 tấn/năm, tổng vốn đầu tư dự án là 47,41 tỷ đồng. Năm 2020, Công ty đã mua sắm nhà xưởng, đầu tư hệ thống máy móc thiết bị với tổng giá trị hơn 20 tỷ đồng. Dự kiến quý 3/2021 Công ty đưa nhà máy vào hoạt động, tăng khả năng cung ứng các sản phẩm từ gạo, đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

- HĐQT đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 ngày 24/06/2020 và Đại hội cổ đông bất thường năm 2020 vào ngày 03/02/2021. Chi trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 34,66%. Trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ:

3.1 Kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2020, Công ty duy trì hoạt động ổn định và đạt nhiều kết quả khả quan, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	So với kế hoạch 2020	So với cùng kỳ 2019
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	320	254,3	312,5	Vượt 22,9%	Đạt 97,6%
2	Doanh thu thuần	tỷ đồng	318,9		311,3		Đạt 97,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	41	32,6	38,7	Vượt 18,7%	Đạt 94,4%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	3.503		4.319		Tăng 23,3%

- Chỉ tiêu doanh thu đạt 312,5 tỷ đồng, vượt 23% kế hoạch và đạt hơn 97,6 so với cùng kỳ năm 2019. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 38,7 tỷ đồng, vượt 18,7% kế hoạch và đạt 94,4% so với cùng kỳ năm trước.

- Các mặt hàng bánh phồng tôm giảm sản lượng tiêu thụ ở các thị trường xuất khẩu. Bù lại, nhu cầu về các sản phẩm từ gạo tăng cao ở cả hai thị trường trong và ngoài nước, đặc biệt là trong mùa dịch bệnh.

- Tỷ lệ lãi gộp/ doanh thu năm 2020 là 21%, tương đương với năm 2019.

3.2 Tình hình tài chính:

- Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC) kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo kết luận của báo cáo kiểm toán, BCTC của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam. BKS thống nhất với các số liệu trên BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty.

- BKS đánh giá tình hình tài chính của Công ty cân đối, khả năng thanh toán đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiệu suất sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu lần lượt là 14,69% (ROA) và 26,03% (ROE). Công tác quản lý công nợ và hàng tồn kho hiệu quả. Các khoản mục đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định, máy móc thiết bị được thực hiện đúng quy trình, hồ sơ.

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2020

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,44	2,07
- Hệ số thanh toán nhanh:	0,92	1,31
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:		
- Hệ số nợ/tổng nguồn vốn:	0,44	0,32
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu:	0,77	0,48
Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động:		
- Vòng quay hàng tồn kho:	7,29	8,32
- Vòng quay khoản phải thu khách hàng:	8,02	8,12
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần (%)	9,92	10,24
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản (%)	14,69	18,40
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu (%)	26,03	27,18

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2021

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và nhiệm kỳ của HĐQT, Ban điều hành. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch, quy trình kiểm soát năm 2021 dựa trên việc nhận diện và đánh giá rủi ro tại đơn vị.

- Thẩm tra định kỳ tính tuân thủ và hiệu quả các quy trình nội bộ, đề xuất các giải pháp khắc phục và cải thiện quy trình, đảm bảo hoạt động của Công ty an toàn và hiệu quả hơn.

- Các hoạt động khác theo yêu cầu của cổ đông.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty, HĐQT và Ban điều hành trong năm 2020 kính trình quý cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công Ty CP XNK Sa Giang.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban

Dự thảo

TP Sa Đéc, ngày 02 tháng 06 năm 2021

**QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ IV (2019-2023) CÔNG TY CỔ PHẦN XNK SA GIANG
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần XNK Sa Giang được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/11/2018;

Việc bầu cử **bổ sung** thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần XNK Sa Giang nhiệm kỳ IV (2019-2023) được thực hiện theo những quy định như sau:

I. Hội đồng quản trị

- Số lượng thành viên HĐQT: **07 thành viên**
 - Số lượng **bầu bổ sung** thành viên HĐQT: **02 thành viên**
- Nhiệm kỳ thành viên HĐQT: 05 năm, từ năm 2019 đến năm 2023
- Cơ cấu thành viên HĐQT:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
- Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh của công ty.
 - Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.
 - Thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty đại chúng khác.
 - Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
- Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT độc lập:
 - Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai nhiệm kỳ.

6. Điều kiện ứng cử, đề cử:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cụ thể:

- Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên;
- Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (2) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (3) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (5) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (6) ứng viên;
- Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (7) ứng viên;
- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (8) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế quản trị.

Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

II. Phương thức bầu cử

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo **phương thức bầu dồn phiếu**, theo đó mỗi cổ đông sẽ có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

2. Phiếu bầu cử của mỗi cổ đông được ghi rõ họ tên, mã số cổ đông, số cổ phần mà cổ đông đó đại diện nắm giữ, số phiếu biểu quyết tương ứng và có dấu treo của Công ty. Trên mỗi phiếu bầu cạnh cột “Ứng cử viên” có cột “Số phiếu bầu”, việc bầu phiếu được thực hiện bằng việc điền số phiếu biểu quyết vào dòng tương ứng của ứng viên mà mình tín nhiệm.

Cổ đông có thể dồn hết số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng viên, hoặc chia đều, hay không đều cho các ứng viên sao cho tổng số phiếu biểu quyết bầu cho các ứng viên không vượt quá số phiếu biểu quyết của cổ đông.

3. Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu, không có dấu treo của Công ty;
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung đã in sẵn;
- Phiếu không bầu cho bất kỳ ai trong danh sách ứng viên;
- Phiếu bầu thừa so với số lượng đã được Đại hội quyết định;
- Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên lớn hơn tổng số phiếu được quyền bầu;
- Phiếu ghi tỷ lệ phần trăm vào cột “Số phiếu bầu”.

III. Nguyên tắc trúng cử

1. Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT là người có số phiếu bầu cao nhất tính từ trên xuống cho đến khi đủ số thành viên theo quy định.

2. Trường hợp có nhiều ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau và số lượng trúng cử vượt quá số lượng cần bầu thì ứng viên nào sở hữu nhiều cổ phiếu hơn sẽ được chọn.

Trường hợp số cổ phần sở hữu cũng bằng nhau thì tiến hành bầu lần 2 đối với các ứng viên này. Nếu bầu lần 2 vẫn bằng nhau thì việc có tiếp tục bầu cử nữa hay không sẽ do Đại hội quyết định.

IV. Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử thành viên HĐQT

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử HĐQT bao gồm:

1. Đơn xin đề cử/ứng cử thành viên HĐQT (theo mẫu);
2. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
3. Bản sao có công chứng: CMND, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn của ứng cử viên;
4. Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm cổ đông đề cử, theo mẫu).

Ghi chú: Các biểu mẫu được công bố tại website: www.sagiang.com.vn

Quy chế này có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần XNK Sa Giang thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

Số: 07/2021/TTr.HĐQT

Tp Sa Đéc, ngày 02 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần XNK Sa Giang

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần XNK Sa Giang có hiệu lực ngày 16/11/2018.

Từ ngày 01/01/2021, một số văn bản pháp luật mới liên quan đến hoạt động của Công ty có hiệu lực thi hành, trên cơ sở rà soát Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị của Công ty Cổ phần XNK Sa Giang, HĐQT nhận thấy có một số điều khoản trong Điều lệ và Quy chế cần được điều chỉnh, sửa đổi để phù hợp và tuân thủ với các quy định pháp luật hiện hành.

Nội dung chi tiết các điểm sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty trọng yếu được trình bày trong phụ lục đính kèm theo Tờ trình này. Dự thảo Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty điều chỉnh, sửa đổi được đính kèm trong tài liệu Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021 của Công ty.

Các quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty điều chỉnh, sửa đổi sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
SA GIANG**

Năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	12
Điều 17. Thay đổi các quyền	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 19. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thê thức tiên hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 22. Thẩm quyền và thê thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	21
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	23
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	26
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	26
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	27
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	27
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	27
Điều 35. Bô nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	27
IX. BAN KIỂM SOÁT	28
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	28

Điều 37. Kiểm soát viên.....	28
Điều 38. Ban kiểm soát	29
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	30
Điều 39. Trách nhiệm cần trọng.....	30
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	30
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	31
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	31
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	31
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	32
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	32
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	32
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	32
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	32
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	32
Điều 46. Năm tài chính	33
Điều 47. Chế độ kế toán.....	33
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	33
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	33
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	33
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	34
Điều 50. Kiểm toán	34
XVII. CON DẤU.....	34
Điều 51. Con dấu	34
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	34
Điều 52. Chấm dứt hoạt động	34
Điều 53. Gia hạn hoạt động	34
Điều 54. Thanh lý.....	34
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	35
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	35
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	35
Điều 56. Điều lệ công ty	35
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	36
Điều 57. Ngày hiệu lực	36

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 2 tháng 06 năm 2021

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty có thẩm quyền và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ này và hoạt động theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - b. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - c. “Công ty” nghĩa là Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Sa Giang;
 - d. “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - e. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - f. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. “Người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này;
 - h. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ” nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty có thẩm quyền được quy định tại Điều lệ này và hoạt động theo Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - i. “Ban kiểm soát” nghĩa là ban kiểm soát của Công ty có thẩm quyền và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ này và hoạt động theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - j. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - k. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 1. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - m. “Quy chế quản trị” là Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - n. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - o. “VND” hoặc “Đồng” nghĩa là đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: SA GIANG IMPORT EXPORT CORPORATION
 - Tên giao dịch: SA GIANG IMPORT EXPORT CORPORATION
 - Tên Công ty viết tắt: SAGIMEXCO
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Lô CII-3, Khu công nghiệp C, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
 - Điện thoại: 0277.3763155 – 0277.3763154 – 0277.3763153 – 0277.3763454
 - Fax: 0277.3763152
 - E-mail: info@hcm.vnn.vn
 - Website: www.sagiang.com.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:
 - a. Xay xát và sản xuất bột thô (Chi tiết: Sản xuất bột thô, sản xuất gạo mầm)
 - b. Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
 - c. Sản xuất các loại bánh từ bột
 - d. Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự
 - e. Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu
 - f. Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai)

- g. Chế biến và bảo quản rau quả
- h. Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến thực phẩm)
- i. Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (Chi tiết: Sản xuất thực phẩm: bánh phòng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy)
- j. Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm thịt
- k. In ấn (Chi tiết: In nhãn bao bì phục vụ đóng gói hàng hóa)
- l. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Cho thuê mặt bằng)
- m. Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu) và không cồn)
- n. Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì (Chi tiết: Sản xuất bao bì từ giấy, giấy nhãn, bì nhãn, bì cứng, thùng đựng hàng hóa các loại bằng giấy)
- o. Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: Sản xuất đồ nhựa dùng để gói hàng như: túi, hộp, thùng, bình lớn, chai lọ, bao tải)
- p. Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm: giấy nhãn, bì nhãn, bì cứng, thùng đựng hàng hóa các loại bằng giấy; túi, hộp, thùng, bình lớn, chai lọ, bao tải, bao bì được sản xuất bằng plastic)
- q. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
- r. Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Mua bán thực phẩm: bánh phòng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy. Mua bán thủy hải sản, thịt và các sản phẩm từ thịt)
- s. Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì (Chi tiết: Bán buôn gạo, gạo mầm)

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm theo các chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp phép. Đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và đạt được mục tiêu thu tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 71.475.800.000 VNĐ (Bảy mươi một tỉ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm ngàn đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 7.147.580 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này. Do đã quá ba năm kể từ Ngày thành lập, tất cả các hạn chế đối với cổ phần do cổ đông sáng lập nắm giữ đều được bãi bỏ.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.¹

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 2 (hai) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 (hai) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

¹ Theo Luật chứng khoán mới, công ty không được giữ cổ phiếu quỹ

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;
 - j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5%² tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 139 Luật doanh nghiệp;
 - b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải có các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10%³ tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;
 - b. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

² Luật Doanh nghiệp mới Điều 115.2(c).

³ Luật Doanh nghiệp mới Điều 115.5.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bản cân đối kế toán năm, các báo cáo tài chính sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính năm phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát⁴ và Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ này;

⁴ Luật Doanh nghiệp mới Điều 138.2(k).

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Phê duyệt Quy chế quản trị; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;⁵

p. Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp;⁶

q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

⁵ Luật Doanh nghiệp mới Điều 138.2(l).

⁶ Luật Doanh nghiệp mới Điều 138.2(m).

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65%⁷ quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

⁷ Điều lệ mẫu

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày⁸ trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21)⁹ ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5 theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

⁸ Luật Doanh nghiệp mới Điều 141.1

⁹ Luật Doanh nghiệp mới Điều 143.1

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50%¹⁰ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo mời họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33%¹¹ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được thông báo mời họp lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số phiếu tán thành nghị quyết, số phiếu phản đối nghị quyết, và số phiếu trắng được đếm và Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

¹⁰ Luật Doanh nghiệp mới Điều 145.1

¹¹ Điều lệ mẫu

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham dự đại hội khi có mặt ở địa điểm chính của đại hội.

12. Khi điều kiện cho phép và/hoặc hoàn cảnh yêu cầu, theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty sẽ áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể đăng ký, tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và/hoặc hình thức điện tử khác. Trong trường hợp như vậy, việc đăng ký, tham dự, phát biểu ý kiến, bỏ phiếu, kiểm phiếu sẽ được thực hiện sao cho các mục đích của các quy định tại Điều lệ này cơ bản đạt được.

13. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có trên 50%¹² trở lên tổng số phiếu

¹² Điều 148.3 Luật Doanh nghiệp mới.

bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65%¹³ trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua bất kỳ quyết định nào của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Trừ khi Hội đồng quản trị có quyết định khác đi, thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản sẽ được thực hiện theo quy định sau đây.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

¹³ Điều 148.1 Luật Doanh nghiệp mới.

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là Người điều hành. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50%¹⁴ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

¹⁴ Điều 148.4 Luật Doanh nghiệp mới.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế quản trị. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 3 (ba) đến 7 (bảy) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lương tối thiểu các thành viên độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Có đơn từ chức;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, kế toán trưởng, Người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
- d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành khác;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- h. Quyết định thi hành Quy chế quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua nhằm bảo vệ hiệu quả cổ đông ;
- i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

- j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - p. Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc mà Hội đồng quản trị cho là phù hợp;
 - q. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5 (năm) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị hoặc theo quyết định hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03)¹⁵ ngày làm việc

¹⁵ Luật Doanh nghiệp mới Điều 157.6.

trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; và
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03)¹⁶ ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

¹⁶ Luật Doanh nghiệp mới Điều 157.6.

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Ban điều hành của Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo Điều lệ này. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết hay quyết định của Hội đồng quản trị hoặc hay Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (03) năm¹⁷ và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua, quyết định;

b. Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất trừ khi Hội đồng quản trị có quyết định khác đi;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và Người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành để Hội đồng quản trị quyết định;

¹⁷ Chính lại cho phù hợp với Quy chế quản trị

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 15 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc vì bất kỳ lý do nào khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh

một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này; hoặc

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài

chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Trong phạm vi mà pháp luật cho phép, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ Ngày thành lập và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai ngay sau Ngày thành lập.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt

động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ này, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang nhất trí thông qua ngày 2 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở đăng ký của Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Bản Điều lệ này thay thế toàn bộ nội dung của bản điều lệ thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2018.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang.

Ông Nguyễn văn Kiệt – Tổng Giám đốc

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN XNK SA GIANG NĂM 2021

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Ghi chú: Nội dung in đậm là phần sửa đổi, bổ sung

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/06/2020 của Quốc Hội và Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 của của Quốc Hội)	GHI CHÚ
	Bổ sung Điều 1 khoản 1 điểm a: “Hội đồng quản trị” hoặc “HDQT” nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty có thẩm quyền và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ này và hoạt động theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành	
Điều 1 khoản 1 điểm a: "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;	Điều 1 khoản 1 điểm b: "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;	
	Bổ sung Điều 1 khoản 1 điểm c: “Công ty” nghĩa là Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Sa Giang;	Do bổ sung điểm a nên thay đổi số thứ tự
Điều 1 khoản 1 điểm b: "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Điều 1 khoản 1 điểm d: "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;	Do bổ sung điểm a, c nên thay đổi số thứ tự
Điều 1 khoản 1 điểm c: "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;	Điều 1 khoản 1 điểm e: "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Do bổ sung điểm a, c nên thay đổi số thứ tự
Điều 1 khoản 1 điểm d: "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;	Điều 1 khoản 1 điểm f: "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;	Do bổ sung điểm a, c nên thay đổi số thứ tự

Điều 1 khoản 1 điểm e: "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và Người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;	Điều 1 khoản 1 điểm g: " Người điều hành " là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này ;	Do bổ sung điểm a, c nên thay đổi số thứ tự
	Bổ sung Điều 1 khoản 1 điểm h: “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ” nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty có thẩm quyền được quy định tại Điều lệ này và hoạt động theo Điều lệ này và pháp luật hiện hành;	
	Bổ sung Điều 1 khoản 1 điểm i: “Ban kiểm soát” nghĩa là ban kiểm soát của Công ty có thẩm quyền và nhiệm vụ được quy định tại của Điều lệ này và hoạt động theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;	
Điều 1 khoản 1 điểm f: “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp, Điều 6.34 của Luật chứng khoán;	Điều 1 khoản 1 điểm j: “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Luật chứng khoán;	Cập nhật điều luật hiện hành
Điều 1 khoản 1 điểm g: "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán	Điều 1 khoản 1 điểm k: "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;	Cập nhật điều luật hiện hành
Điều 1 khoản 1 điểm h: "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;	Điều 1 khoản 1 điểm l: "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;	
	Bổ sung Điều 1 khoản 1 điểm m: “Quy chế quản trị” là Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;	
Điều 1 khoản 1 điểm i: "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;	Điều 1 khoản 1 điểm n: "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;	
	Bổ sung Điều 1 khoản 1 điểm o: “VND” hoặc “Đồng” nghĩa là đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.	
Điều 2 khoản 1: Tên Công ty <ul style="list-style-type: none"> ○ Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG ○ Tên tiếng Anh: SA GIANG IMPORT EXPORT CORPORATION ○ Tên giao dịch: SA GIANG IMPORT EXPORT 	Điều 2 khoản 1: Tên Công ty <ul style="list-style-type: none"> ○ Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG ○ Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: SA GIANG IMPORT EXPORT CORPORATION ○ Tên giao dịch: SA GIANG IMPORT EXPORT 	

<p>CORPORATION</p> <ul style="list-style-type: none"> o Tên viết tắt: SAGIMEXCO 	<p>CORPORATION</p> <ul style="list-style-type: none"> o Tên Công ty viết tắt: SAGIMEXCO 	
<p>Điều 2 khoản 3: Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ: Lô CII- 3, Khu công nghiệp C, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp</p>	<p>Điều 2 khoản 3: Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ trụ sở chính: Lô CII- 3, Khu công nghiệp C, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp</p>	
<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này và pháp luật.</p>	
<p>Điều 4 khoản 1: Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (Chi tiết: Sản xuất thực phẩm: Bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Cho thuê mặt bằng); Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến thực phẩm); Chế biến, bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt; In ấn (Chi tiết: In nhãn bao bì phục vụ đóng gói hàng hóa); Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Mua bán thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy. Mua bán thủy hải sản, thịt và các sản phẩm từ thịt); Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu) và không cồn); Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì (Chi tiết: Sản xuất bao bì từ giấy, giấy nhãn, bì nhãn, bì cứng, thùng đựng hàng hóa các loại bằng giấy); Sản xuất bao bì từ plastic (Chi tiết: Sản xuất đồ nhựa dùng để gói hàng như: Túi, hộp, thùng, bình lớn, chai lọ, bao tải); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các sản phẩm: giấy nhãn, bì nhãn, bì cứng, thùng đựng hàng hóa các loại bằng giấy; Túi, hộp, thùng, bình lớn, chai lọ, bao tải, bao bì được sản xuất bằng plastic); Xây xát và sản xuất bột thô (Chi tiết sản xuất bột thô); Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự; Sản xuất đồ uống</p>	<p>Điều 4 khoản 1: Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Xây xát và sản xuất bột thô (Chi tiết: Sản xuất bột thô, sản xuất gạo mầm) b. Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột c. Sản xuất các loại bánh từ bột d. Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự e. Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu f. Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai) g. Chế biến và bảo quản rau quả h. Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến thực phẩm i. Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (Chi tiết: Sản xuất thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy) j. Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt k. In ấn (Chi tiết: In nhãn bao bì phục vụ đóng gói hàng hóa) l. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Cho thuê mặt bằng) m. Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu) và không cồn) n. Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì (Chi tiết: Sản xuất bao bì từ giấy, giấy nhãn, bì nhãn, bì cứng, 	<p>Tách ra cụ thể từng điểm tương ứng cho từng ngành nghề kinh doanh</p>

<p>không còn, nước khoáng (Chi tiết sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai); Chế biến và bảo quản rau quả.</p>	<p>thùng đựng hàng hóa các loại bằng giấy)</p> <ul style="list-style-type: none"> o. Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: Sản xuất đồ nhựa dùng để gói hàng như: túi, hộp, thùng, bình lớn, chai lọ, bao tải) p. Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm: giấy nhãn, bì nhãn, bì cứng, thùng đựng hàng hóa các loại bằng giấy; túi, hộp, thùng, bình lớn, chai lọ, bao tải, bao bì được sản xuất bằng plastic) q. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản r. Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Mua bán thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy. Mua bán thủy hải sản, thịt và các sản phẩm từ thịt) s. Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì (Chi tiết: Bán buôn gạo, gạo mầm) 	
<p>Điều 6 khoản 3: Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</p>	<p>Điều 6 khoản 3: Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 6 khoản 5: Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo qui định của Luật doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.</p>	<p>Điều 6 khoản 5: Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này. Do đã quá ba (03) năm kể từ Ngày thành lập, tất cả các hạn chế đối với cổ phần do cổ đông sáng lập nắm giữ đều được bãi bỏ.</p>	
<p>Điều 6 khoản 7: Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và qui định của Điều lệ này.</p>	<p>Điều 6 khoản 7: Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p>	
<p>Điều 7 khoản 2: Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 7 khoản 2: Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.</p>	
<p>Điều 7 khoản 3: Trong thời hạn hai tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của</p>	<p>Điều 7 khoản 3: Trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của</p>	

<p>Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	<p>Công ty hoặc trong thời hạn 02 (hai) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	
<p>Điều 7 khoản 4: Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>Điều 7 khoản 4: Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	
<p>Điều 8: Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Điều 8: Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>	
<p>Điều 10 khoản 1: Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p>	<p>Điều 10 khoản 1: Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p>	
<p>Điều 10 khoản 2: Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p>	<p>Điều 10 khoản 2: Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p>	
<p>Điều 10 khoản 4: Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán qui định tại khoản 3. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>Điều 10 khoản 4: Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	
<p>Điều 10 khoản 5: Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	<p>Điều 10 khoản 5: Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	

Điều 12 khoản 2 điểm d: Ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tổng số cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;	Điều 12 khoản 2 điểm d: Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;	
Điều 12 khoản 2 điểm g: Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;	Điều 12 khoản 2 điểm g: Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này , biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;	
Điều 12 khoản 2 điểm i: Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;	Điều 12 khoản 2 điểm i: Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp	Cập nhật điều luật hiện hành
Điều 12 khoản 2 điểm j: Quyền của các cổ đông sở hữu các loại cổ phần ưu đãi khác được qui định tại hợp đồng mua cổ phần ưu đãi và tuân thủ các qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Điều 12 khoản 2 điểm j: Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
Điều 12 khoản 3: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06)tháng có các quyền sau:	Điều 12 khoản 3: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	
Điều 12 khoản 3 điểm a: Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 25 và khoản 1 Điều 36 Điều lệ này;		Bỏ nội dung này
Điều 12 khoản 3 điểm b: Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật doanh nghiệp;	Điều 12 khoản 3 điểm a: Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 139 Luật doanh nghiệp;	
Điều 12 khoản 3 điểm c: Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;	Điều 12 khoản 3 điểm b: Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
Điều 12 khoản 3 điểm d: Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.	Điều 12 khoản 3 điểm c: Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải có các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc , quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân ; tên, mã số doanh nghiệp; hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính ; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra	
Điều 12 khoản 3 điểm e: Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Điều 12 khoản 3 điểm d: Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
	Bổ sung Điều 12 khoản 4: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ	

	từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Error! Reference source not found. và Error! Reference source not found. Điều lệ này; b. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
Điều 13 khoản 1: Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của công ty; chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	Điều 13 khoản 1: Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế nội bộ của công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	
Điều 14 khoản 2: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.	Điều 14 khoản 2: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này , đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.	
Điều 14 khoản 3 điểm b: Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;	Điều 14 khoản 3 điểm b: Bản cân đối kế toán năm, các báo cáo tài chính sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính năm phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;	
Điều 14 khoản 3 điểm e: Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.	Điều 14 khoản 3 điểm e: Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	
Điều 14 khoản 3 điểm f: Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	Điều 14 khoản 3 điểm f: Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này .	
Điều 14 khoản 4 điểm a: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d, 3e Điều này.	Điều 14 khoản 4 điểm a: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e Khoản 3 Điều này;	
Điều 14 khoản 4 điểm b: Trường hợp Hội đồng quản trị không	Điều 14 khoản 4 điểm b: Trường hợp Hội đồng quản trị không	

<p>triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>	
<p>Điều 14 khoản 4 điểm c: Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>Điều 14 khoản 4 điểm c: Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
<p>Điều 15 khoản 2 điểm b: Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Điều 15 khoản 2 điểm b: Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	
<p>Điều 15 khoản 2 điểm d: Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p>	<p>Điều 15 khoản 2 điểm d: Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p>	
<p>Điều 15 khoản 2 điểm f: Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 15 khoản 2 điểm f: Tổng số tiền thù lao thường và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p>	
<p>Điều 15 khoản 2 điểm g: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty</p>	<p>Điều 15 khoản 2 điểm g: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ này</p>	
<p>Điều 15 khoản 2 điểm h: Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p>	<p>Điều 15 khoản 2 điểm h: Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p>	
<p>Điều 15 khoản 2 điểm k: Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ</p>	<p>Điều 15 khoản 2 điểm k: Kiểm tra và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho</p>	

đồng	Công ty và cổ đông	
Điều 15 khoản 2 điểm l: Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán	Điều 15 khoản 2 điểm l: Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán	
Điều 15 khoản 2 điểm n: Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất	Điều 15 khoản 2 điểm n: Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất	
Điều 15 khoản 2 điểm o: Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;	Điều 15 khoản 2 điểm o: Phê duyệt Quy chế quản trị; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	
	Bổ sung Điều 15 khoản 2 điểm p: Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp	
	Bổ sung Điều 15 khoản 2 điểm q: Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	
Điều 15 khoản 3 điểm b: Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỉ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.	Điều 15 khoản 3 điểm b: Việc Công ty mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện trương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật	
Điều 16 khoản 1: Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện	Điều 16 khoản 1: Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện	
Điều 16 khoản 2 điểm c: Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.	Điều 16 khoản 2 điểm c: Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	
Điều 17 khoản 1: Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua...	Điều 17 khoản 1: Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua...	
Điều 18 khoản 1: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14.4b hoặc 14.4c Điều lệ này.	Điều 18 khoản 1: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.	

Điều 18 khoản 2: Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây	Điều 18 khoản 2: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây	
Điều 18 khoản 2 điểm a: Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18 khoản 2 điểm a: Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật Điều luật hiện hành
Điều 18 khoản 3: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	Điều 18 khoản 3: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	
Điều 18 khoản 3 điểm d: Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;		Bỏ nội dung này
Điều 18 khoản 3 điểm e: Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp	Điều 18 khoản 3 điểm d: Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	Do bỏ điểm d nên thay đổi số thứ tự
Điều 18 khoản 4: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp	Điều 18 khoản 4: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc , số giấy tờ pháp lý của cá nhân ; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức , địa chỉ trụ sở chính; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp	

<p>Điều 18 khoản 5: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại Khoản 4 của điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p>	<p>Điều 18 khoản 5: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau</p>	
<p>Điều 18 khoản 5 điểm b: Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</p>	<p>Điều 18 khoản 5 điểm b: Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</p>	
<p>Điều 19 khoản 1: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</p>	<p>Điều 19 khoản 1: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</p>	
<p>Điều 19 khoản 2: Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Điều 19 khoản 2: Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo mời họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	
<p>Điều 19 khoản 3: Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất</p>	<p>Điều 19 khoản 3: Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được thông báo mời họp lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	
<p>Điều 20 khoản 2: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm</p>	<p>Điều 20 khoản 2: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số phiếu tán thành nghị quyết, số phiếu phản đối nghị quyết, và số phiếu trắng được đếm và Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề</p>	

phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp	nghị của Chủ tọa cuộc họp.	
Điều 20 khoản 7: Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.	Điều 20 khoản 7: Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp	Cập nhật Điều luật hiện hành
Điều 20 khoản 11: Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội	Điều 20 khoản 11: Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội khi có mặt ở địa điểm chính của đại hội.	
	Bổ sung Điều 20 khoản 12: Khi điều kiện cho phép và/hoặc hoàn cảnh yêu cầu, theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty sẽ áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể đăng ký, tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và/hoặc hình thức điện tử khác. Trong trường hợp như vậy, việc đăng ký, tham dự, phát biểu ý kiến, bỏ phiếu, kiểm phiếu sẽ được thực hiện sao cho các mục đích của các quy định tại Điều lệ này cơ bản đạt được.	
Điều 20 khoản 12: Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	Điều 20 khoản 13: Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	Do bổ sung khoản 12 nên thay đổi số thứ tự
Điều 21 khoản 1: Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.	Điều 21 khoản 1: Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ trên 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
Điều 21 khoản 1 điểm c: Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.	Điều 21 khoản 1 điểm c: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.	
Điều 21 khoản 2: Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp	Điều 21 khoản 2: Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.	Cập nhật Điều luật hiện hành
Điều 21 khoản 3: Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh	Điều 21 khoản 3: Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh	

<p>thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Điều 22 khoản 1: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty</p>	<p>Điều 22 khoản 1: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua bất kỳ quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty. Trừ khi Hội đồng quản trị có quyết định khác đi, thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản sẽ được thực hiện theo quy định sau đây</p>	
<p>Điều 22 khoản 3 điểm c: Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông</p>	<p>Điều 22 khoản 3 điểm c: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	
<p>Điều 22 khoản 3 điểm g: Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty</p>	<p>Điều 22 khoản 3 điểm g: Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	
<p>Điều 22 khoản 6: Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây</p>	<p>Điều 22 khoản 6: Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	
<p>Điều 22 khoản 6 điểm c: Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết</p>	<p>Điều 22 khoản 6 điểm c: Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết</p>	
<p>Điều 22 khoản 6 điểm e: Các vấn đề đã được thông qua</p>	<p>Điều 22 khoản 6 điểm e: Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</p>	
<p>Điều 22 khoản 6 điểm f: Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và người giám sát kiểm phiếu</p>	<p>Điều 22 khoản 6 điểm f: Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu</p>	
<p>Điều 22 khoản 7: Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang</p>	<p>Điều 22 khoản 7: Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế</p>	

thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu	bảng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu	
Điều 22 khoản 9: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 22 khoản 9: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
Điều 23 khoản 1 điểm i: Chữ ký của chủ tọa và thư ký	Điều 23 khoản 1 điểm i: Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký	
Điều 24: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Điều 24: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản Error! Reference source not found. Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	
Điều 24 khoản 1: Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này	Điều 24 khoản 1: Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.	
Điều 24 khoản 2: Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài , người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	Điều 24 khoản 2: Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án , người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.	
Điều 25 khoản 2: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên	Điều 25 khoản 2: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Cập nhật Điều lệ luật hiện hành

<p>Điều 25 khoản 3: Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật</p>	<p>Điều 25 khoản 3: Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế quản trị. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật</p>	
<p>Điều 26 khoản 1: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 26 khoản 1: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 03 (ba) đến 07 (bảy) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	
	<p>Bổ sung Điều 26 khoản 2: Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu các thành viên độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	
<p>Điều 26 khoản 2: Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p>	<p>Điều 26 khoản 3: Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p>	<p>Do bổ sung khoản 2 nên thay đổi số thứ tự</p>
<p>Điều 26 khoản 2 điểm d: Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>	<p>Điều 26 khoản 3 điểm d: Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng</p>	
<p>Điều 27 khoản 1: Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 27 khoản 1: Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>Điều 27 khoản 2: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau</p>	<p>Điều 27 khoản 2: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau</p>	
<p>Điều 27 khoản 2 điểm a: Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty</p>	<p>Điều 27 khoản 2 điểm a: Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty</p>	
<p>Điều 27 khoản 2 điểm c: Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng,</p>	<p>Điều 27 khoản 2 điểm c: Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng,</p>	

chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ	chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Kế toán trưởng , người điều hành khác và quyết định mức lương của họ	
Điều 27 khoản 2 điểm h: Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông	Điều 27 khoản 2 điểm h: Quyết định thi hành quy chế quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua nhằm bảo vệ hiệu quả cổ đông;	
	Bổ sung Điều 27 khoản 2 điểm p: Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc mà Hội đồng quản trị cho là phù hợp	
Điều 27 khoản 2 điểm p: Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có)	Điều 27 khoản 2 điểm q: Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).	Do bổ sung điểm p nên thay đổi số thứ tự
Điều 27 khoản 3 điểm a: Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;	Điều 27 khoản 3 điểm a: Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty	
Điều 27 khoản 3 điểm c: Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 135.2 và Điều 162.1, Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty	Điều 27 khoản 3 điểm c: Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty	Cập nhật Điều luật hiện hành
Điều 27 khoản 3 điểm f: Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm	Điều 27 khoản 3 điểm f: Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5 (năm) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;	
Điều 27 khoản 3 điểm g: Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài	Điều 27 khoản 3 điểm g: Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài	
Điều 27 khoản 3 điểm i: Việc công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng	Điều 27 khoản 3 điểm i: Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng	
Điều 27 khoản 4: Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua	Điều 27 khoản 4: Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua	
Điều 27 khoản 5: Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và Người	Điều 27 khoản 5: Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản	

điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty	trị, Tổng giám đốc hoặc người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty	
Điều 28 khoản 1: Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được	Điều 28 khoản 1: Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được	
Điều 28 khoản 3: Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị	Điều 28 khoản 3: Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.	
Điều 28 khoản 4: Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị	Điều 28 khoản 4: Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.	
	Bổ sung Điều 29 khoản 4: Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị hoặc theo quyết định hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị.	
Điều 29 khoản 4: Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày	Điều 29 khoản 5: Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày	Do bổ sung khoản 4 nên thay đổi số thứ tự
Điều 30: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 30: Cuộc họp của Hội đồng quản trị	
Điều 30 khoản 2: Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 5 ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần	Điều 30 khoản 2: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần	Căn cứ Điều 157.6 Luật DN 2020
Điều 30 khoản 3: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính	Điều 30 khoản 3: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính	

đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận	đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận	
Điều 30 khoản 3 điểm b: Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm Người điều hành khác	Điều 30 khoản 3 điểm b: Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác	
Điều 30 khoản 3 điểm c: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;	Điều 30 khoản 3 điểm c: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; và	
Điều 30 khoản 3 điểm d: Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị	Điều 30 khoản 3 điểm d: Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;	
Điều 30 khoản 7: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty	Điều 30 khoản 7: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.	Căn cứ Điều 157.6 Luật DN 2020
Điều 30 khoản 8: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại lần thứ 2 trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Điều 30 khoản 8: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	
Điều 30 khoản 9 điểm b: Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp	Điều 30 khoản 9 điểm b: Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo	

<p>được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị lại, hoặc là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p>	<p>quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ toạ cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này</p>	
<p>Điều 30 khoản 11 điểm b: Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết</p>	<p>Điều 30 khoản 11 điểm b: Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết</p>	
<p>Điều 30 khoản 11 điểm c: Theo quy định tại điểm d Khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p>	<p>Điều 30 khoản 11 điểm c: Theo quy định tại điểm d Khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ toạ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ</p>	
<p>Điều 30 khoản 11 điểm d: Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó</p>	<p>Điều 30 khoản 11 điểm d: Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó</p>	
<p>Điều 30 khoản 12: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch</p>	<p>Điều 30 khoản 12: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng</p>	

được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan	quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên	
Điều 30 khoản 13: Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định	Điều 30 khoản 13: Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành . Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định	
Điều 30 khoản 14: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp	Điều 30 khoản 14: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp	
Điều 30 khoản 15: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản	Điều 30 khoản 15: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi . Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản	
Điều 31 khoản 2: Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty	Điều 31 khoản 2: Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này	
Điều 32 khoản 4 điểm h: Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	Điều 32 khoản 4 điểm h: Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này	
Điều 32 khoản 4 điểm i: Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	Điều 32 khoản 4 điểm i: Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	
Điều 33: Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.	Điều 33: Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Ban điều hành của Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo Điều lệ này. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết hay quyết định của Hội đồng quản trị hoặc hay Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Điều 34 khoản 1: Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự	Điều 34 khoản 1: Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự	

<p>chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra</p>	<p>chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức</p>	
<p>Điều 34 khoản 2: Tiền lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành do Hội đồng Quản trị quyết định và Hợp đồng của Người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.</p>	<p>Điều 34 khoản 2: Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định và Hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc</p>	
<p>Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</p>	<p>Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p>	
<p>Điều 35 khoản 1: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định tiền lương, thù lao và lợi ích khác. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty</p>	<p>Điều 35 khoản 1: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty</p>	
<p>Điều 35 khoản 2: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</p>	<p>Điều 35 khoản 2: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với Quy chế quản trị</p>
<p>Điều 35 khoản 3: Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và nghĩa vụ sau</p>	<p>Điều 35 khoản 3: Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau</p>	
<p>Điều 35 khoản 3 điểm a: Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua</p>	<p>Điều 35 khoản 3 điểm a: Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua, quyết định;</p>	
<p>Điều 35 khoản 3 điểm b: Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất</p>	<p>Điều 35 khoản 3 điểm b: Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất, trừ khi Hội đồng quản trị có quyết định khác đi</p>	
<p>Điều 35 khoản 3 điểm e: Kiến nghị số lượng và Người điều hành doanh nghiệp mà công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị tiền</p>	<p>Điều 35 khoản 3 điểm e: Kiến nghị số lượng và Người điều hành mà công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương</p>	

lương, thù lao và lợi ích khác đối với Người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định	và lợi ích khác đối với Người điều hành để Hội đồng quản trị quyết định	
Điều 35 khoản 3 điểm f: Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ	Điều 35 khoản 3 điểm f: Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ	
Điều 35 khoản 3 điểm g: Vào ngày 15 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của Ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm	Điều 35 khoản 3 điểm g: Vào ngày 15 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của Ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm	
Điều 35 khoản 3 điểm i: Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty	Điều 35 khoản 3 điểm i: Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị , hợp đồng lao động ký với Công ty	
Điều 35 khoản 4: Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu	Điều 35 khoản 4: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu	
Điều 35 khoản 5: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế	Điều 35 khoản 5: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc vì bất kỳ lý do nào khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế	
Điều 36 khoản 1: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên	Điều 36 khoản 1: Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này	
Điều 36 khoản 2: Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại	Điều 36 khoản 2: Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị . Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông	

hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử	thông qua trước khi tiến hành đề cử	
Điều 37 khoản 1: Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Các kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó	Điều 37 khoản 1: Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế	
Điều 37 khoản 2: Kiểm soát viên không được giữ chức vụ quản lý Công ty và không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Người quản lý khác của Công ty. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế	Điều 37 khoản 2: Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và không thuộc các trường hợp sau: a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.	
Điều 37 khoản 3 điểm b: Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát	Điều 37 khoản 3 điểm b: Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát	
Điều 37 khoản 5 điểm b: Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty	Điều 37 khoản 5 điểm b: Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này	
Điều 38 khoản 1: Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau	Điều 38 khoản 1: Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau	Cập nhật Điều luật hiện hành
Điều 38 khoản 1 điểm d: Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả	Điều 38 khoản 1 điểm d: Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả	
Điều 38 khoản 2: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và các thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào	Điều 38 khoản 2: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và	

cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị	theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị	
Điều 38 khoản 3: Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người	Điều 38 khoản 3: Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.	
Điều 40 khoản 1: Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác	Điều 40 khoản 1: Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác	Cập nhật Điều luật hiện hành
Điều 40 khoản 2: Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân khác	Điều 40 khoản 2: Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác	
Điều 40 khoản 4: Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác	Điều 40 khoản 4: Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cá nhân , tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác	
Điều 40 khoản 5 điểm a: Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan	Điều 40 khoản 5 điểm a: Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; hoặc	
Điều 40 khoản 5 điểm b: Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao	Điều 40 khoản 5 điểm b: Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch	

<p>dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này</p>	<p>này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này; hoặc</p>	
<p>Điều 41 khoản 1: Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra</p>	<p>Điều 41 khoản 1: Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra</p>	
<p>Điều 41 khoản 2: Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p>	<p>Điều 41 khoản 2: Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p>	
<p>Điều 41 khoản 3: Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau</p>	<p>Điều 41 khoản 3: Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p>	
<p>Điều 41 khoản 3 điểm c: Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên</p>	<p>Điều 41 khoản 4: Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên</p>	
<p>Điều 42 khoản 1: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Điều 25.2 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên</p>	<p>Điều 42 khoản 1: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các</p>	

bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này	biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này	
Điều 42 khoản 2: Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật	Điều 42 khoản 2: Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật	
Điều 42 khoản 4: Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty	Điều 42 khoản 4: Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty	
Điều 43 khoản 1: Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành doanh nghiệp.	Điều 43 khoản 1: Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành.	
	Bổ sung Điều 44 khoản 2: Trong phạm vi mà pháp luật cho phép, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty	Do bổ sung khoản 2 nên thay đổi số thứ tự
Điều 44 khoản 2: Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu	Điều 44 khoản 3: Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu	Do bổ sung khoản 2 nên thay đổi số thứ tự
Điều 44 khoản 3: Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này	Điều 44 khoản 4: Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này	Do bổ sung khoản 2 nên thay đổi số thứ tự
Điều 44 khoản 4: Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành	Điều 44 khoản 5: Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán	Do bổ sung khoản 2 nên thay đổi số thứ tự

thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	
Điều 44 khoản 5: Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác	Điều 44 khoản 6: Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác	Do bổ sung khoản 2 nên thay đổi số thứ tự
Điều 44 khoản 6: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật	Điều 44 khoản 7: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	Do bổ sung khoản 2 nên thay đổi số thứ tự
Điều 46: Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai ngay sau ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó	Điều 46: Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai ngay sau ngày thành lập	
Điều 47 khoản 1: Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành được Bộ Tài chính chấp thuận	Điều 47 khoản 1: Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận	
Điều 47 khoản 2: Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	Điều 47 khoản 2: Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	
Điều 48 khoản 1: Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh	Điều 48 khoản 1: Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh	
Điều 48 khoản 2: Báo cáo tài chính năm phải bao gồm Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, Báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo	Điều 48 khoản 2: Báo cáo tài chính năm phải bao gồm Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/ lỗ của Công ty trong năm tài chính, Báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo	

cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính	cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính	
Điều 48 khoản 4: Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty	Điều 48 khoản 4: Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty	
Điều 48 khoản 5: Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp	Điều 48 khoản 5: Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	
Điều 50 khoản 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính	Điều 50 khoản 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính	
Điều 50 khoản 2: Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập Báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 2 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Điều 50 khoản 2: Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập Báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính	
Điều 51 khoản 1: Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty	Điều 51 khoản 1: Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ này	
Điều 51 khoản 2: Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành	Điều 51 khoản 2: Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành	
Điều 52 khoản 1: Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.	Điều 52 khoản 1: Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	
Điều 52 khoản 2: Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc	Điều 52 khoản 2: Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo	

phải được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định	hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định	
Điều 53 khoản 2: Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua	Điều 53 khoản 2: Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua	
Điều 54 khoản 1: Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty	Điều 54 khoản 1: Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty	
<p>Điều 55 khoản 1: Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các qui định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Cổ đông với Công ty; b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người điều hành khác; <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu mỗi bên trình bày các thông tin liên quan tới tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>Điều 55 khoản 2: Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài Kinh tế hoặc Tòa án Kinh tế</p>	<p>Điều 55 khoản 1: Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ này, các quy định giữa:</p> <ul style="list-style-type: none"> c. Cổ đông với Công ty; d. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người điều hành khác; <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp</p> <p>Điều 55 khoản 2: Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án</p>	

Điều 55 khoản 3: Mỗi bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án	Điều 55 khoản 3: Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án	
Điều 56: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Điều 56: Điều lệ Công ty	
Điều 57 khoản 1: Bản Điều lệ này gồm 21 chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang thống nhất thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2018 theo thể thức lấy ý kiến bằng văn bản và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này	Điều 57 khoản 1: Bản Điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang nhất trí thông qua ngày 02 tháng 06 năm 2021 tại trụ sở đăng ký của Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Bản Điều lệ này thay thế toàn bộ nội dung của bản điều lệ thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2018	
Điều 57 khoản 2: Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. 01 Bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương b. 05 Bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố; c. 04 Bản lưu trữ tại trụ sở chính Công ty	Điều 57 khoản 2: Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau	
Điều 57 khoản 4: Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất ½ tổng số thành viên Hội đồng quản trị	Điều 57 khoản 4: Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Thành phố Sa đéc, ngày 02 tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	QUY ĐỊNH CHUNG	3
<i>Điều 1.</i>	<i>Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh</i>	3
<i>Điều 2.</i>	<i>Giải thích thuật ngữ</i>	3
CHƯƠNG II	TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
<i>Điều 3.</i>	<i>Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông</i>	4
<i>Điều 4.</i>	<i>Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</i>	5
<i>Điều 5.</i>	<i>Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu</i>	5
<i>Điều 6.</i>	<i>Cách thức phân đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i>	6
<i>Điều 7.</i>	<i>Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</i>	6
<i>Điều 8.</i>	<i>Công bố quyết định của Đại hội đồng cổ đông</i>	6
<i>Điều 9.</i>	<i>Họp trực tuyến hoặc các hình thức điện tử khác</i>	7
<i>Điều 10.</i>	<i>Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</i>	7
CHƯƠNG III	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
<i>Điều 11.</i>	<i>Thành lập Hội đồng quản trị</i>	7
<i>Điều 12.</i>	<i>Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</i>	8
<i>Điều 13.</i>	<i>Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</i>	8
<i>Điều 14.</i>	<i>Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</i>	8
<i>Điều 15.</i>	<i>Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị</i>	9
<i>Điều 16.</i>	<i>Cuộc họp Hội đồng quản trị</i>	9
<i>Điều 17.</i>	<i>Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch</i>	9
CHƯƠNG IV	BAN KIỂM SOÁT	10
<i>Điều 18.</i>	<i>Kiểm soát viên</i>	10
<i>Điều 19.</i>	<i>Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</i>	11
<i>Điều 20.</i>	<i>Cách thức bầu Kiểm soát viên</i>	11
<i>Điều 21.</i>	<i>Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</i>	11
<i>Điều 22.</i>	<i>Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</i>	12
CHƯƠNG V	THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .12	
<i>Điều 23.</i>	<i>Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</i>	12
CHƯƠNG VI	NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT	13
<i>Điều 24.</i>	<i>Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</i> :.....	13
<i>Điều 25.</i>	<i>Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc</i>	14

Điều 26. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc 15

CHƯƠNG VII ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 15

Điều 27. Tiêu chuẩn đánh giá.....15

Điều 28. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật.....16

CHƯƠNG VIII NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY 16

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc 16

Điều 30. Giao dịch với người có liên quan 17

Điều 31. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.....18

CHƯƠNG IX : NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY 18

Điều 32. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty..... 18

Điều 33. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty..... 18

Điều 34. Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty..... 18

Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty 18

CHƯƠNG X : CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH 19

Điều 36. Công bố thông tin thường xuyên 19

Điều 37. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty 19

Điều 38. Công bố thông tin về các cổ đông lớn 19

Điều 39. Tổ chức công bố thông tin..... 20

CHƯƠNG XI : TỔ CHỨC THỰC HIỆN 20

Điều 40. Báo cáo..... 20

Điều 41. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung..... 20

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**
(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ---/2021/NQ.ĐHCD
Ngày tháng năm 2021)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Sa Giang quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty.

2. Quy chế này được xây dựng dựa theo “Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng” được quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ tài chính và Điều lệ của Công ty cũng như cập nhật các quy định mới tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Ngăn ngừa xung đột lợi ích;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

b) “Công ty” là Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Sa Giang.

c) “Điều lệ Công ty” có nghĩa là Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02 tháng 6 năm 2021.

d) “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

e) “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

f) “Người điều hành” là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và Người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn hoặc bổ nhiệm.

g) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46, Điều 4 Luật chứng khoán.

h) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn hoặc bổ nhiệm.

i) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:¹

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai nhiệm kỳ.

j) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

¹ Cập nhật theo Điều 155.2 Luật Doanh nghiệp mới.

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty.

3. Trình tự, thủ tục triệu tập và điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 18 và 19 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả cổ đông có quyền dự họp phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp.

2. Trường hợp cổ đông có quyền dự họp không thể đến dự tại Đại hội đồng cổ đông, có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Đại diện theo ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cần mang theo các giấy tờ sau:

- a) Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
- b) Giấy ủy quyền.

Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và/hoặc phiếu bầu cử.

Điều 5. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Tất cả các nội dung trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự bằng Thẻ/Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu bầu cử theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện. Mỗi Thẻ/Phiếu biểu quyết có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện và có đóng dấu treo của Công ty. Mỗi Phiếu bầu cử có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện, tổng số lượng phiếu bầu và có đóng dấu treo của Công ty.

a) Cách thức nộp “Phiếu biểu quyết”: Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô mình chọn đối với từng nội dung biểu quyết (Có 03 ý kiến để lựa chọn là tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Cách thức này dùng để thông qua các báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

b) Cách thức nộp “Phiếu bầu cử”: Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô có tên của người mình muốn bầu. Cách thức này dùng để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

c) Cách thức giơ “Thẻ biểu quyết”: Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Cách thức này dùng để thông qua các nội dung khác trừ các báo cáo, tờ trình, bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội.

2. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát việc biểu quyết của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự và kiểm tra số Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của từng nội dung; ghi nhận và báo cáo kết quả biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét thông báo tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải chọn ra ít nhất một thư ký để ghi biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập chi tiết và rõ ràng theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Điều lệ Công ty.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được xem là bằng chứng xác thực về những công việc đã được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông (nếu có), văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 8. Công bố quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)), Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:

- a) Trang thông tin điện tử của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN);
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK).

2. Việc công bố thông tin trên Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, Trang thông tin điện tử của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 9. Hợp trực tuyến hoặc các hình thức điện tử khác

Khi điều kiện cho phép và/hoặc hoàn cảnh yêu cầu, theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty sẽ áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể đăng ký, tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và/hoặc hình thức điện tử khác. Trong trường hợp như vậy, việc đăng ký, tham dự, phát biểu ý kiến, bỏ phiếu, kiểm phiếu sẽ được thực hiện sao cho các mục đích của các quy định tại Điều 3, 4, 5 và 6 của Quy chế này cơ bản đạt được.

Điều 10. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Thành lập Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 03 (ba) đến 07 (bảy) người, trong đó có một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân với Công ty, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

4. Việc kê khai các lợi ích quy định tại khoản 3 điều này phải được thực hiện trong bảy (07) ngày làm việc kể từ khi phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày sửa đổi, bổ sung tương ứng.

5. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 12. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 13. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự có mặt tại Đại hội đồng cổ đông vào thời điểm bầu cử có một phiếu bầu. Giá trị biểu quyết của phiếu bầu tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện.

2. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín, bầu trực tiếp, theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông đó có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa (1/2) số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

a) Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị do có thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm theo quy định. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

4. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị

Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin trên, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT Bản cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị mới (nếu có).

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm: Thông báo họp; các điều kiện tổ chức cuộc họp; Cách thức biểu quyết; Cách thức thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị; Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị; thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị: Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều 30 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm điều hành các công tác của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ họp, xem xét và quyết định các công tác quản trị của Công ty theo các quy định của Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và pháp luật hiện hành, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế này và các quyền và nghĩa vụ khác được cho phép theo quy chế này và các quy chế của Công ty.

2. Chủ tịch có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, dù là thường niên hay bất thường;

b) Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; tổ chức việc chuẩn bị nội dung, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Hội đồng quản trị để bàn và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

d) Quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường. Phê duyệt hình thức và nội dung phiếu biểu quyết;

e) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sau khi đã có sự thống nhất của đa số các thành viên Hội đồng quản trị (thể hiện trực tiếp bằng việc thông qua biên bản hoặc nghị quyết tại cuộc họp hoặc gián tiếp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn

bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị; thay mặt Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp;

f) Phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ thuộc chức năng quản trị Công ty; theo dõi, đôn đốc các thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản trị Công ty; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các tiểu ban và hội đồng của Hội đồng quản trị tối thiểu 01 năm một lần, xác nhận với Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá đạt yêu cầu của Hội đồng quản trị trước khi tái bổ nhiệm hoặc bãi miễn;

g) Kiểm tra, giám sát và đôn đốc Người điều hành trong việc tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch, các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và việc thực hiện các quy định của Điều lệ Công ty, các quy chế và việc quản trị Công ty;

h) Quyết định các vấn đề sau đây nhưng phải thông báo lại cho các thành viên Hội đồng Quản trị để biết về những quyết định trong cuộc họp Hội đồng quản trị phiên gần nhất:

- Quyết định việc thành lập, thay đổi hoặc giải thể các bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Hội đồng quản trị; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân sự các bộ phận này;

- Thay mặt Hội đồng quản trị ký, sửa đổi, bổ sung hoặc thanh lý hợp đồng lao động với các Người điều hành;

- Quyết định các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp có vốn góp của Công ty theo sự uỷ quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của quy chế này; và

i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy chế khác của Công ty.

3. Ngoài những vấn đề quy định tại Điều 17.2, trên cơ sở Điều 27 của Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phân cấp và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt quyết định nhưng phải báo cáo lại Hội đồng quản trị tại phiên họp tiếp theo về các quyết định đó.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

4. Kiểm soát viên phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan với Công ty.

5. Quyền lợi, nghĩa vụ của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- f) Các thông tin khác (nếu có).

3. Các ứng viên Ban kiểm soát có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 20. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu cử Kiểm soát viên được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín, bầu trực tiếp, theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Kiểm soát viên được bầu và cổ đông đó có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin trên, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT Bản cung cấp thông tin của Kiểm soát viên mới (nếu có).

CHƯƠNG V THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị có thể thành lập hoặc giải thể các tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty. Các tiểu ban gồm:

- 1. Tiểu ban chính sách phát triển:
 - a) Thành viên của Tiểu ban ít nhất là 03 người. Trưởng Tiểu ban là thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành; các thành viên khác là thành viên Hội đồng quản trị và có thể là thành viên bên ngoài.
 - b) Tiểu ban chính sách phát triển có nhiệm vụ: xây dựng, hoạch định các chiến lược, chính sách phát triển về thị trường; sản phẩm mới; công nghệ; tài chính tiền tệ và đầu tư.
- 2. Tiểu ban nhân sự, lương thưởng
 - a) Về cơ cấu nhân sự tương tự như quy định tại điểm a) khoản 1 điều này.
 - b) Tiểu ban nhân sự, lương thưởng có nhiệm vụ:
 - Đề xuất các tiêu chí về phẩm chất và năng lực của thành viên bộ máy quản lý; việc bổ nhiệm, đánh giá, bãi nhiệm các thành viên này.

- Đề xuất định mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên hội đồng quản trị và bộ máy quản lý. Đưa ra các chỉ tiêu đánh giá liên quan đến việc thưởng hoạt động của bộ máy quản lý.

CHƯƠNG VI

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:

1. Các tiêu chuẩn để chọn lựa Người điều hành
 - a) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tính trung thực.
 - b) Có trình độ chuyên môn đại học trở lên. Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.
 - c) Có khả năng đảm đương nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong công việc.
 - d) Có sức khỏe, có kiến thức về quản lý.
 - e) Thể hiện sự mẫn cán trong công việc.
2. Việc bổ nhiệm Người điều hành
 - a) Người đáp ứng các tiêu chuẩn trên được xem xét bổ nhiệm vào các chức danh quản lý, đảm đương những vị trí quan trọng trong Công ty.
 - b) Thẩm quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm:

Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

Tổng Giám đốc bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh điều hành khác trong Công ty theo sự phân cấp của Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm này phải phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý Công ty. Tổng giám đốc quyết định sau khi tổ chức lấy ý kiến tham khảo với các Phó Tổng giám đốc và Bộ phận nhân sự.
 - c) Thời hạn bổ nhiệm: Đối với Tổng giám đốc là 03 năm, đối với Người điều hành khác từ 01-03 năm.
3. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành khác được thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động.
4. Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành

Miễn nhiệm Người điều hành khi xảy ra một trong những trường hợp sau:
 - a) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - b) Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;
 - c) Vi phạm nội quy, quy chế Công ty;

- d) Phẩm chất đạo đức kém, ảnh hưởng đến văn hóa doanh nghiệp của Công ty;
- e) Tư lợi cá nhân;
- f) Có đơn xin từ chức.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành của Công ty được thông báo trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đối tác và cán bộ quản lý cấp trung gian trong toàn Công ty.

Điều 25. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua, quyết định;

b) Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất trừ khi Hội đồng quản trị có quyết định khác đi;

c) Kiến nghị số lượng và các loại Người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành;

d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e) Chậm nhất là 15/11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f) Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

g) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh

doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 26. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời và tài liệu kèm theo đến Trưởng Ban kiểm soát.

b) Bản sao các biên bản họp, Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp của Hội đồng quản trị kết thúc và cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp tất cả các thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty để báo cáo lên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị họp mỗi quý đánh giá, kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị về điều hành công việc sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VII ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 27. Tiêu chuẩn đánh giá

1. Đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và thành viên Ban Tổng Giám đốc.

a) Thực hiện có hiệu quả các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

b) Điều hành có hiệu quả toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, đảm bảo mang lại lợi ích thiết thực, chính đáng cho các cổ đông, cán bộ, nhân viên và vì sự phát triển của Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Đối với Người điều hành khác

a) Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trung thực.

b) Thể hiện năng lực quản lý và điều hành ở mảng công việc được phân công phụ trách.

c) Gương mẫu trong làm việc và đạo đức lối sống.

d) Không bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

Điều 28. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật

1. Khen thưởng:

- Tùy vào thành tích và mức độ đóng góp của từng thành viên mà áp dụng các hình thức khen thưởng. Công ty xây dựng quy chế khen thưởng phù hợp với các đối tượng và điều kiện thực tế của Công ty.

- Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh do Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc quyết định khen thưởng đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.

2. Kỷ luật:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng giám đốc và Người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những tổn hại do mình gây ra.

- Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với thành viên Ban Tổng giám đốc Người điều hành khác thực hiện theo quy định của pháp luật lao động.

CHƯƠNG VIII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó

theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới những người nêu trên, trừ trường hợp:

a) Công ty và tổ chức là người có liên quan của những người nêu trên là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ Công ty;

b) Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; hoặc

c) Pháp luật có quy định khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 30. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của Công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan, trừ trường hợp:

a) Công ty và tổ chức là tổ chức có liên quan của cổ đông nêu trên là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ Công ty;

b) Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; hoặc

c) Pháp luật có quy định khác.

Điều 31. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG IX: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 32. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

- Có hiểu biết về pháp luật, nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến Công ty và thị trường chứng khoán;
- Có trình độ học vấn đại học trở lên;
- Am hiểu hoạt động của Công ty;
- Có kỹ năng tổ chức, phân tích, tính trách nhiệm cao;
- Có tính linh hoạt, sáng tạo, tỉ mỉ;
- Được đào tạo về quản trị Công ty;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 33. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

- Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty. Số lượng Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

- Hội đồng quản trị sẽ ban hành nghị quyết bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty là 5 năm hoặc một thời hạn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.

Điều 34. Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị sẽ thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.

CHƯƠNG X : CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 36. Công bố thông tin thường xuyên

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 37. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty

1. Công ty phải báo cáo về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- b) Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành;
- d) Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có);
- e) Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty;
- f) Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc;
- g) Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
- h) Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 38. Công bố thông tin về các cổ đông lớn

1. Công ty phải tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân);
- b) Địa chỉ liên lạc;
- c) Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);

- d) Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty;
- e) Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn;
- f) Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của Công ty;
- g) Tình hình tăng, giảm cổ phiếu, và cầm cố, thế chấp cổ phiếu Công ty của các cổ đông lớn.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 39. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
 - a) Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
 - b) Đồng thời phân công ít nhất một cán bộ phụ trách về công bố thông tin.
2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:
 - a) Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định;
 - d) Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Báo cáo

Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị ban hành trước đây của Công ty.
2. Trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì quy định của Điều lệ Công ty được ưu tiên áp dụng.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có bất kỳ vướng mắc, phát sinh hoặc có sự thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước, Hội đồng quản trị Công ty sẽ xem xét thay đổi cho phù hợp.

4. Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Người điều hành khác và CB.CNV Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trương Thị Lệ Khanh

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XNK SA GIANG NĂM 2021

DỰ THẢO

Ghi chú: Nội dung in đậm là phần sửa đổi, bổ sung

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/06/2020 của Quốc Hội và Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 của của Quốc Hội)	GHI CHÚ
Điều 1 khoản 2: Quy chế này được xây dựng dựa theo “Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng” được quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ tài chính và Điều lệ Công ty	Điều 1 khoản 2: Quy chế này được xây dựng dựa theo “Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng” được quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ tài chính và Điều lệ của Công ty cũng như cập nhật các quy định mới tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019	
Điều 2 khoản 1 điểm a: “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả	Điều 2 khoản 1 điểm a: “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;- Ngăn ngừa xung đột lợi ích- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.	

	Bổ sung Điều 2 khoản 1 điểm c: Điều lệ Công ty” có nghĩa là Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02 tháng 06 năm 2021	
	Bổ sung Điều 2 khoản 1 điểm d: “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020	
	Bổ sung Điều 2 khoản 1 điểm e: “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019	
Điều 2 khoản 1 điểm c: "Người điều hành" là Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và Người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn	Điều 2 khoản 1 điểm f: "Người điều hành" là Tổng giám đốc , các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và Người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn hoặc bổ nhiệm	Do bổ sung điểm c, d, e nên thay đổi số thứ tự
Điều 2 khoản 1 điểm d: “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp; và Khoản 34, Điều 6 Luật chứng khoán	Điều 2 khoản 1 điểm g: “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật chứng khoán	Cập nhật Điều luật hiện hành
Điều 2 khoản 1 điểm e: “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm	Điều 2 khoản 1 điểm h: “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn hoặc bổ nhiệm	Do bổ sung điểm c, d, e nên thay đổi số thứ tự
Điều 2 khoản 1 điểm f: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> - Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó. - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty; - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước 	Điều 2 khoản 1 điểm i: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> - Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó. - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ 	Cập nhật Điều 155.2 Luật DN 2020

đó	trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai nhiệm kỳ.	
	Bổ sung Điều 2 khoản 1 điểm j: "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán	
Điều 3 khoản 1: Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Điều 3 khoản 1: Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	
Điều 3 khoản 2: Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14.4b hoặc 14.4c Điều lệ Công ty	Điều 3 khoản 2: Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty	
Điều 3 khoản 3: Trình tự, thủ tục triệu tập và điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 18, 19 Điều lệ Công ty	Điều 3 khoản 3: Trình tự, thủ tục triệu tập và điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 18 và 19 Điều lệ Công ty	
Điều 6: Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau	Điều 6: Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án xem xét , hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:	
Điều 6 khoản 1: Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp qui định tại Khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty	Điều 6 khoản 1: Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp qui định tại Khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty	
Điều 6 khoản 2: Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty	Điều 6 khoản 2: Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án , người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét thông báo tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty	
Điều 7 khoản 5: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty	Điều 7 khoản 5: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông (nếu có), văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty	

	<p>Bổ sung Điều 9: Họp trực tuyến hoặc các hình thức điện tử khác Khi điều kiện cho phép và/hoặc hoàn cảnh yêu cầu, theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty sẽ áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể đăng ký, tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và/hoặc hình thức điện tử khác. Trong trường hợp như vậy, việc đăng ký, tham dự, phát biểu ý kiến, bỏ phiếu, kiểm phiếu sẽ được thực hiện sao cho các mục đích của các quy định tại Điều 3, 4, 5 và 6 của Quy chế này cơ bản đạt được</p>	
<p>Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p>	<p>Điều 10. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p>	<p>Do bổ sung Điều 9 nên thay đổi số thứ tự</p>
<p>Điều 10. Thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 11. Thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Do bổ sung Điều 9 nên thay đổi số thứ tự</p>
<p>Điều 10 khoản 1: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người, trong đó có một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 11 khoản 1: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 03 (ba) đến 07 (bảy) người, trong đó có một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	
<p>Điều 10 khoản 3: Thành viên Hội đồng quản trị phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan với Công ty và tuyên bố này phải được thông báo trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, lưu giữ tại trụ sở của Công ty, bao gồm:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp từ 5% vốn điều lệ.</p>	<p>Điều 11 khoản 3: Thành viên Hội đồng quản trị phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân với Công ty, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.</p>	
<p>Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 12. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Do bổ sung Điều 9 nên</p>

		thay đổi số thứ tự
Điều 12. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	Điều 13. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	//
Điều 13. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	//
Điều 13 khoản 2: Có đơn từ chức	Điều 14 khoản 2: Có đơn từ chức và được chấp thuận;	//
Điều 14. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị	Điều 15. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị	//
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị	//
	<p>Bổ sung Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm điều hành các công tác của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ họp, xem xét và quyết định các công tác quản trị của Công ty theo các quy định của Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và pháp luật hiện hành, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế này và các quyền và nghĩa vụ khác được cho phép theo quy chế này và các quy chế của Công ty. 2. Chủ tịch có nhiệm vụ và quyền hạn sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, dù là thường niên hay bất thường; b) Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; c) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; tổ chức việc chuẩn bị nội dung, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Hội đồng quản trị để bàn và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; d) Quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường. Phê duyệt hình thức và nội dung phiếu biểu quyết; e) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sau khi đã có sự thống nhất của đa số các thành viên Hội đồng quản trị (thể hiện trực tiếp bằng việc thông qua biên bản hoặc nghị quyết tại cuộc họp hoặc gián tiếp 	

	<p>dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị; thay mặt Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp;</p> <p>f) Phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ thuộc chức năng quản trị Công ty; theo dõi, đôn đốc các thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản trị Công ty; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các tiểu ban và hội đồng của Hội đồng quản trị tối thiểu 01 năm một lần, xác nhận với Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá đạt yêu cầu của Hội đồng quản trị trước khi tái bổ nhiệm hoặc bãi miễn;</p> <p>g) Kiểm tra, giám sát và đôn đốc Người điều hành trong việc tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch, các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và việc thực hiện các quy định của Điều lệ Công ty, các quy chế và việc quản trị Công ty;</p> <p>h) Quyết định các vấn đề sau đây nhưng phải thông báo lại cho các thành viên Hội đồng Quản trị để biết về những quyết định trong cuộc họp Hội đồng quản trị phiên gần nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định việc thành lập, thay đổi hoặc giải thể các bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Hội đồng quản trị; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân sự các bộ phận này; - Thay mặt Hội đồng quản trị ký, sửa đổi, bổ sung hoặc thanh lý hợp đồng lao động với các Người điều hành; - Quyết định các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp có vốn góp của Công ty theo sự uỷ quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của quy chế này; và <p>i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy chế khác của Công ty.</p> <p>3. Ngoài những vấn đề quy định tại Điều 17.2, trên cơ sở Điều 27 của Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phân cấp và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt quyết định nhưng phải báo cáo lại Hội đồng quản trị tại phiên họp tiếp theo về các quyết định đó.</p>	
<p>Điều 16. Kiểm soát viên</p>	<p>Điều 18. Kiểm soát viên</p>	<p>Do bổ sung Điều 9, Điều 17 nên thay</p>

		đổi số thứ tự
Điều 16 khoản 3: Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty	Điều 18 khoản 3: Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty	
Điều 17. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	Điều 19. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	Do bổ sung Điều 9, Điều 17 nên thay đổi số thứ tự
Điều 17 khoản 1: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên	Điều 19 khoản 1: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên	
Điều 18. Cách thức bầu Kiểm soát viên Cách thức bầu Kiểm soát viên được thực hiện tương tự qui định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 12 Quy chế này.	Điều 20. Cách thức bầu Kiểm soát viên Việc bầu cử Kiểm soát viên được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín, bầu trực tiếp, theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Kiểm soát viên được bầu và cổ đông đó có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.	Do bổ sung Điều 9, Điều 17 nên thay đổi số thứ tự
Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	//
Điều 19 khoản 1: Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp; b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình	Điều 21 khoản 1: Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;	Bỏ điểm b

<p>trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</p>	<p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</p>	
<p>Điều 19 khoản 2: . Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</p>	<p>Điều 21 khoản 2: Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>c. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng</p> <p>d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</p>	<p>Bổ sung điểm c</p>
<p>Điều 20. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p>	<p>Điều 22. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p>	<p>Do bổ sung Điều 9, Điều 17 nên thay đổi số thứ tự</p>
<p>Điều 21. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 23. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p>	<p>//</p>
<p>Điều 21 khoản 2 điểm a: Về cơ cấu nhân sự như qui định tại điểm a khoản 1 điều này</p>	<p>Điều 23 khoản 2 điểm a: Về cơ cấu nhân sự tương tự như quy định tại điểm a khoản 1 điều này</p>	<p>//</p>
<p>Điều 22. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:</p>	<p>Điều 24. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:</p>	<p>//</p>
<p>Điều 22 khoản 1: Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Điều 24 khoản 1: Các tiêu chuẩn để lựa chọn Người điều hành</p>	<p>//</p>
<p>Điều 22 khoản 2: Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Điều 24 khoản 2: Việc bổ nhiệm Người điều hành</p>	<p>//</p>
<p>Điều 22 khoản 2 điểm b: Thẩm quyền bổ nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị bổ nhiệm: Tổng Giám đốc điều hành; Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng. 	<p>Điều 24 khoản 2 điểm b: Thẩm quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm: Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng; 	

<ul style="list-style-type: none"> Tổng Giám đốc bổ nhiệm người điều hành khác trong Công ty sau khi được Hội đồng quản trị phê chuẩn. Việc bổ nhiệm này phải phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý Công ty. Tổng giám đốc quyết định sau khi tổ chức lấy ý kiến tham khảo với các đối tượng Giám đốc, Phó Giám đốc bộ phận và Bộ phận nhân sự 	<ul style="list-style-type: none"> Tổng Giám đốc bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh điều hành khác trong Công ty theo sự phân cấp của Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm này phải phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý Công ty. Tổng giám đốc quyết định sau khi tổ chức lấy ý kiến tham khảo với các Phó Tổng giám đốc và Bộ phận nhân sự. 	
<p>Điều 22 khoản 4: Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp Miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong những trường hợp sau</p>	<p>Điều 24 khoản 4: Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành Miễn nhiệm Người điều hành khi xảy ra một trong những trường hợp sau</p>	
<p>Điều 22 khoản 5: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp của Công ty được thông báo trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đối tác và cán bộ quản lý cấp trung gian trong toàn Công ty</p>	<p>Điều 24 khoản 5: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành của Công ty được thông báo trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đối tác và cán bộ quản lý cấp trung gian trong toàn Công ty</p>	
<p>Điều 23. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc</p>	<p>Điều 25. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc</p>	<p>Do bổ sung Điều 9, Điều 17 nên thay đổi số thứ tự</p>
<p>Điều 23 khoản 1: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty</p>	<p>Điều 25 khoản 1: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty</p>	
<p>Điều 23 khoản 2: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này</p>	<p>Điều 25 khoản 2: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này</p>	
<p>Điều 23 khoản 3 điểm a: Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua</p>	<p>Điều 25 khoản 3 điểm a: Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua quyết định</p>	

Điều 23 khoản 3 điểm b: Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất	Điều 25 khoản 3 điểm b: Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất trừ khi Hội đồng quản trị có quyết định khác đi	
Điều 23 khoản 3 điểm c: Kiến nghị số lượng và các loại người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành doanh nghiệp	Điều 25 khoản 3 điểm c: Kiến nghị số lượng và các loại Người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị (tùy từng trường hợp cụ thể) bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành	
Điều 23 khoản 3 điểm e: Chậm nhất là 15/11 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;	Điều 25 khoản 3 điểm e: Chậm nhất là 15/11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm	
Điều 23 khoản 3 điểm h: Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật	Điều 25 khoản 3 điểm h: Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị , hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật	
Điều 23 khoản 4: Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu	Điều 25 khoản 4: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu	
Điều 23 khoản 5: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế	Điều 25 khoản 5: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế	
Điều 24. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc	Điều 26. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc	Do bổ sung Điều 9, Điều 17 nên thay đổi số thứ tự
Điều 25. Tiêu chuẩn đánh giá	Điều 27. Tiêu chuẩn đánh giá	//
Điều 26. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật	Điều 28. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật	//
1. Điều 26 khoản 1: Khen thưởng:	Điều 28 khoản 1: Khen thưởng:	

<p>- Tùy vào thành tích và mức độ đóng góp của từng thành viên mà áp dụng các hình thức khen thưởng . Công ty xây dựng quy chế khen thưởng phù hợp với các đối tượng và điều kiện thực tế của Công ty.</p> <p>- Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc quyết định khen thưởng đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm</p>	<p>- Tùy vào thành tích và mức độ đóng góp của từng thành viên mà áp dụng các hình thức khen thưởng . Công ty xây dựng quy chế khen thưởng phù hợp với các đối tượng và điều kiện thực tế của Công ty.</p> <p>- Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh do Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc quyết định khen thưởng đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.</p>	
<p>Điều 27. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc</p>	<p>Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc</p>	<p>Do bổ sung Điều 9, Điều 17 nên thay đổi số thứ tự</p>
<p>Điều 27 khoản 4: Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác</p>	<p>Điều 29 khoản 4: Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới những người nêu trên, trừ trường hợp:</p> <p>a) Công ty và tổ chức là người có liên quan của những người nêu trên là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>b) Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; hoặc</p> <p>c) Pháp luật có quy định khác</p>	
<p>Điều 28. Giao dịch với người có liên quan</p>	<p>Điều 30. Giao dịch với người có liên quan</p>	<p>Do bổ sung Điều 9, Điều 17 nên thay đổi số thứ tự</p>
<p>Điều 28 khoản 3: Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan</p>	<p>Điều 30 khoản 3: Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan, trừ trường hợp:</p> <p>a) Công ty và tổ chức là tổ chức có liên quan của cổ đông nêu trên là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập</p>	

	đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ Công ty; b) Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; hoặc c) Pháp luật có quy định khác	
Điều 29. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty	Điều 31. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty	Do bổ sung Điều 9, Điều 17 nên thay đổi số thứ tự
Điều 30. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty	Điều 32. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty	//
Điều 31. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	Điều 33. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	//
Điều 32. Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	Điều 34. Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	//
Điều 33. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty Hội đồng quản trị sẽ thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác.	Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty Hội đồng quản trị sẽ thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.	//
Điều 34. Công bố thông tin thường xuyên	Điều 36. Công bố thông tin thường xuyên	//
Điều 35. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty	Điều 37. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty	//
Điều 35 khoản 1: Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau	Điều 37 khoản 1: Công ty phải báo cáo về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau	
Điều 36. Công bố thông tin về các cổ đông lớn	Điều 38. Công bố thông tin về các cổ đông lớn	Do bổ sung Điều 9, Điều 17 nên thay đổi số thứ tự
Điều 37. Tổ chức công bố thông tin	Điều 39. Tổ chức công bố thông tin	//
Điều 38. Báo cáo	Điều 40. Báo cáo	//
Điều 39. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung	Điều 41. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung	//

Số: 08/2021/TTr.HĐQT

Tp Sa Đéc, ngày 02 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần XNK Sa Giang có hiệu lực ngày 16/11/2018.

Từ ngày 01/01/2021, một số văn bản pháp luật mới liên quan đến hoạt động của Công ty có hiệu lực thi hành, trên cơ sở rà soát các Quy chế hoạt động của Công ty Cổ phần XNK Sa Giang để phù hợp và tuân thủ với các quy định pháp luật hiện hành, HĐQT nhận thấy cần thiết phải ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT.

Nội dung chi tiết của Quy chế hoạt động của HĐQT được trình bày trong phụ lục đính kèm theo Tờ trình này. Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT được đính kèm trong tài liệu Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021 của Công ty.

Quy chế hoạt động của HĐQT sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK SA GIANG

Ngày tháng năm 2021

MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Quản trị.....	3
Chương II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị.....	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị	4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.....	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị	7
Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	9
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	9
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng Quản trị.....	10
Chương IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng Quản trị	11
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng Quản trị	12
Chương V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	13
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	13
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị	13
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	13
Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị	13
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành	14
Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát	14
Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	14
Điều 23: Hiệu lực thi hành	14

Chương I:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số quá bán (trên 50% số thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp hoặc trên 50% số thành viên có quyền tham gia biểu quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Trường hợp số phiếu số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.
2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết của Hội đồng Quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
3. Hội đồng Quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Chương II:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
- 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.
- 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

Có năng lực quản trị, năng lực lãnh đạo và tổ chức quản lý doanh nghiệp, hiểu biết sâu sắc về các nguyên lý kinh doanh, Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty;

- b. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có năng lực hành vi dân sự, hiểu biết về pháp luật; có năng lực và nhiệt tình để giải quyết những vấn đề chiến lược dài hạn của Công ty, khả năng tham gia một cách hiệu quả trong các buổi thảo luận và sẵn sàng thực hiện quyền hạn trên tinh thần hợp tác.
 - c. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- 2. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải đáp ứng theo quy định tại Điều 155.2 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị theo ủy quyền;
 - g. Ban hành các Quyết định, Quy chế tổ chức, quản lý, điều hành áp dụng đối với Công ty và các Công ty thành viên, bao gồm nhưng không giới hạn: quy chế hoạt động điều hành của Ban Giám đốc, quy chế lao động tiền lương, quy chế quản lý tài chính và các quy chế khác.
 - h. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau

đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoại trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần hai so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần hai;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông theo tỷ lệ quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc họp nhóm và phải gửi về Công ty trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông theo thời gian cụ thể quy định tại quy chế bầu cử của Công ty;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có);
 - h. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do pháp luật, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua: quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác, thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết,

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của

- các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp đầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên đnh có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. m toán và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ

- lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
 3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
 5. Chủ tịch hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; hết thời hạn này mà chưa họp Hội đồng Quản trị thì người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
 6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
 7. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
 8. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
 10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp: họ, tên các thành viên không dự họp vì lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau, Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

Kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
2. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng Quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng Quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng Quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng Quản trị thì các thành viên Hội đồng Quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị về

việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng Quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng Quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng Quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Sa Giang bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...tháng [] năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

Số: 09/2021/TTr.HĐQT

Tp Sa Đéc, ngày 02 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần XNK Sa Giang có hiệu lực ngày 16/11/2018.

Từ ngày 01/01/2021, một số văn bản pháp luật mới liên quan đến hoạt động của Công ty có hiệu lực thi hành, trên cơ sở rà soát các Quy chế hoạt động của Công ty Cổ phần XNK Sa Giang để phù hợp và tuân thủ với các quy định pháp luật hiện hành, HĐQT nhận thấy cần thiết phải ban hành Quy chế hoạt động của BKS.

Nội dung chi tiết của Quy chế hoạt động của BKS được trình bày trong phụ lục đính kèm theo Tờ trình này. Dự thảo Quy chế hoạt động của BKS được đính kèm trong tài liệu Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021 của Công ty.

Quy chế hoạt động của BKS sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XNK SA GIANG**

Ngày [] tháng [] năm 2021

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2, Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Tổ chức bộ máy kiểm tra nội bộ chuyên trách và các nhân viên Ban kiểm soát độc lập trong hoạt động. Trưởng Ban kiểm soát không kiêm nhiệm công việc điều hành Công ty.
2. Ban kiểm soát được độc lập đánh giá, kết luận, kiến nghị trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát.
3. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Công ty.
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Hội đồng Quản trị về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng Quản trị đã xem xét và chấp thuận.
5. Các nghĩa vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát gồm 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên: Trưởng Ban kiểm soát là

người chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm soát các hoạt động tài chính kế toán của Công ty. Các kiểm soát viên sẽ chịu trách nhiệm kiểm soát tất cả các hoạt động nghiệp vụ liên quan trực tiếp đến quyền lợi của cổ đông và có trách nhiệm kiểm tra các nghiệp vụ phát sinh đảm bảo tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ của nghiệp vụ.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 6. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản trị của Hội đồng Quản trị.
4. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản trị của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
6. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
7. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
9. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin sau đây phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - c. Báo cáo kinh doanh cuối năm của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị.
2. Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác khi có yêu cầu hợp lý để phục vụ công tác kiểm soát; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu hợp lý của Ban kiểm soát.

Điều 8. Thù lao, tiền lương và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết

định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 9. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

Điều 10. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Sa Giang bao gồm 05 chương, 11 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày..... tháng.....năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

HUỲNH THỊ BÉ NGỌC

TỜ TRÌNH

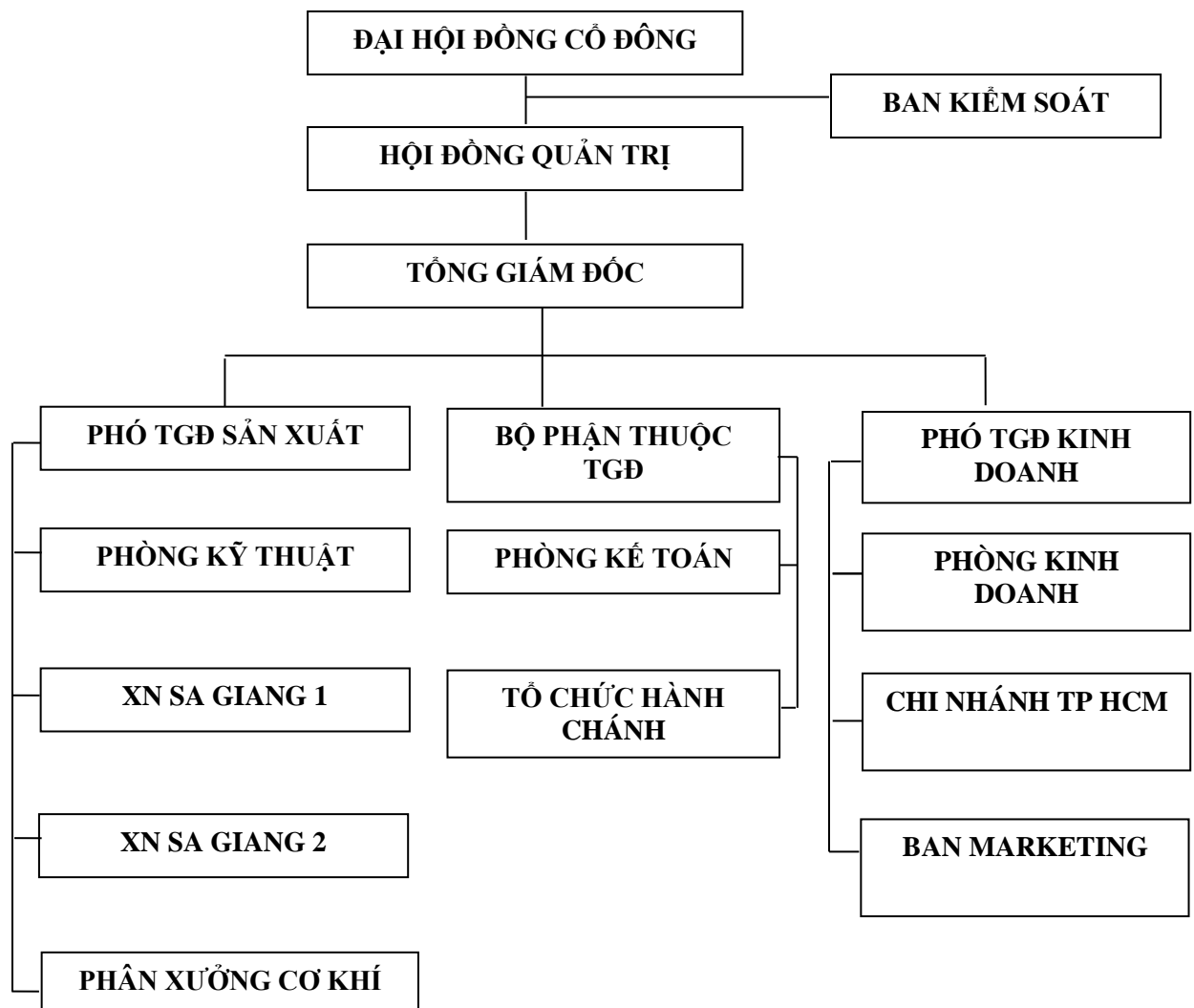
Về việc thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

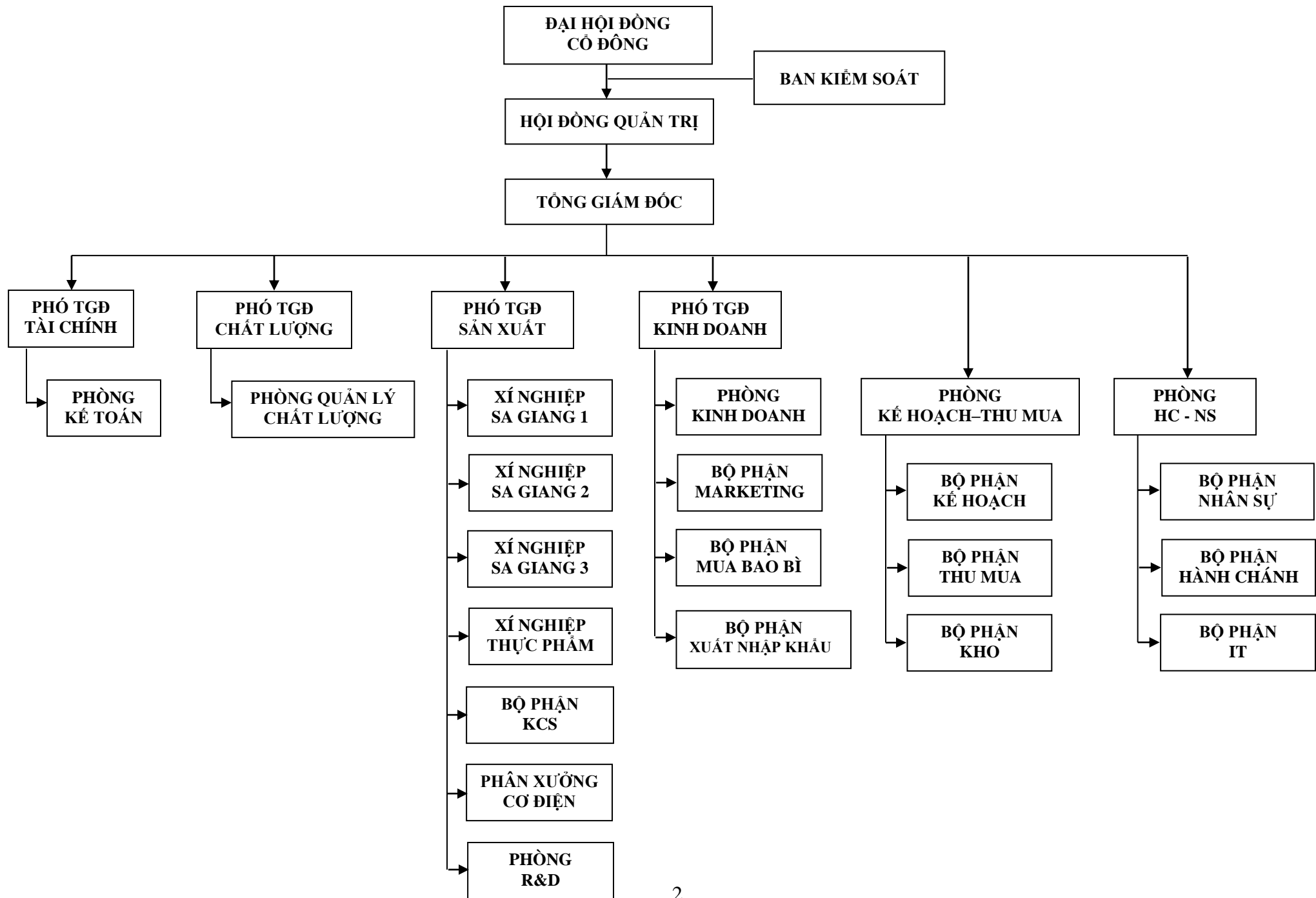
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần XNK Sa Giang có hiệu lực ngày 16/11/2018.

Hiện nay do nhu cầu về quản lý tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần XNK Sa Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện việc thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

* Cơ cấu tổ chức hiện tại:



* Cơ cấu tổ chức sau khi thay đổi:



Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

Số: 11/2021/TTr.HĐQT

Tp Sa Đéc, ngày 02 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc hủy phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức còn lại năm 2019
và hủy phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần XNK Sa Giang có hiệu lực ngày 16/11/2018;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHCD ngày 24/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 v/v thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức còn lại năm 2019 và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Căn cứ Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐQT ngày 20/10/2020 v/v gia hạn thời gian Công bố thông tin Phụ lục 19 (ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015) và chậm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu trả cổ tức còn lại năm 2019, tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Ngày 24/06/2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần XNK Sa Giang đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức còn lại năm 2019 và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Để đảm bảo cho lợi ích của cổ đông Nhà nước SCIC, Hội đồng quản trị Công ty CP XNK Sa Giang đã có Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐQT ngày 20/10/2020 việc gia hạn thời gian Công bố thông tin Phụ lục 19 (ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015) và chậm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu trả cổ tức còn lại năm 2019, tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Hiện nay, căn cứ nhu cầu đầu tư của Công ty trong thời gian tới và đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua việc hủy phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức còn lại năm 2019 và hủy phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, cụ thể:

1. Hủy phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức còn lại năm 2019:

- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phần phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ/cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 7.147.580 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 7.147.580 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức (tối đa): 904.883 cổ phần
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 9.048.830.000 đồng
- Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu: 12,66 %

2. Hủy phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phần phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ/cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 7.147.580 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 7.147.580 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tối đa): 1.596.054 cổ phiếu
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 15.960.540.000 đồng
- Tỷ lệ số lượng cổ phiếu phát hành/tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 22,33%

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK SA GIANG

**DANH SÁCH ỨNG VIÊN BẦU BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ IV (2019 - 2023)**

(Kèm theo tờ trình số 06/2021/TTr.HĐQT ngày 02/06/2021 của HĐQT Công ty CP XNK Sa Giang)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Nơi cư trú	Trình độ chuyên môn	Chức vụ /Đơn vị công tác – Đề cử/Ứng cử
		Nam	Nữ			
1	Nguyễn Thị Kim Đào		1979	TP HCM	Cử nhân Kế toán – Kiểm toán; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	- TV HĐQT, GD Tài chính – Công ty CP Vĩnh Hoàn - Công ty CP Vĩnh Hoàn đề cử.
2	Lê Thị Diệu Thi		1975	Đồng Tháp	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm	- Phó Tổng Giám đốc Phụ trách chất lượng Công ty Cổ phần XNK Sa Giang. - Công ty CP Vĩnh Hoàn đề cử.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị

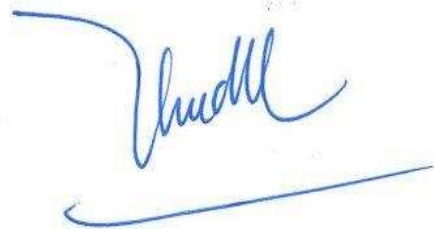
Họ và tên	LÊ THỊ DIỆU THI
Ngày sinh	15/08/1975
Nơi sinh	Đồng Tháp, Việt Nam
CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước	340835701
Ngày cấp	11/03/2009
Nơi cấp	Công an tỉnh Đồng Tháp
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 12, Tổ 37, Khóm 4, Phường 11, Tp Cao Lãnh, Đồng Tháp
Điện thoại	-
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm; Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Từ 12/2000 đến 02/2001: QC thử việc tại phân xưởng sản xuất cá tra fillet- Từ 02/2001 đến 10/2003: QC của phân xưởng sản xuất hàng giá trị gia tăng Công ty TNHH Vĩnh Hoàn- Từ 11/2003 đến 07/2004: Thư ký ISO Công ty TNHH Vĩnh Hoàn- Từ 07/2004 đến 01/2006: Đội trưởng đội HACCP kiêm Thư ký ISO Công ty TNHH Vĩnh Hoàn- Từ 02/2006 đến 02/2008: Phó phòng Kỹ thuật kiêm Đội trưởng đội HACCP Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn- Từ 03/2008 đến 11/2017: Trưởng phòng Kỹ thuật kiêm Đội trưởng đội HACCP Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn- Từ 12/2017 đến 02/2021: Giám đốc khối chất lượng

	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn - Từ 02/2021 đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Chất lượng Công ty Cổ phần XNK Sa Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại SAGIMEXCO	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Chất lượng
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám Đốc Khôi Chất lượng Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn
Số CP SGC nắm giữ	0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	
Những người có liên quan nắm giữ CP SGC	Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát.

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 05 năm 2021

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên



Lê Thị Diệu Thi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH
Ứng cử viên Thành viên HĐQT

Họ và tên	Nguyễn Thị Kim Đào
Ngày sinh	15-08-1979
Nơi sinh	TPHCM
CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước	023372064
Ngày cấp	12/05/2008
Nơi cấp	CA TPHCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	153 Đào Cam Mộc P4 Q8 TPHCM
Điện thoại	0918713989
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán – kiểm toán; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	2003-2004: Nhân viên, Phó phòng kế toán, Công ty TNHH Vĩnh Hoàn 2004-3/2007: Kế toán Trưởng, Công ty TNHH Vĩnh Hoàn 4/2007-4/2009: Kế toán Trưởng, thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Vĩnh Hoàn 4/2009-2013: Kế toán trưởng Công ty CP Vĩnh Hoàn 2014 – 10/2016: Giám đốc Tài chính, Công ty CP Vĩnh Hoàn 10/2016 – hiện tại: Giám đốc Tài chính, thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Vĩnh Hoàn.

Các chức vụ công tác hiện nay tại SAGIMEXCO	Không
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT, Giám đốc tài chính Công ty CP Vĩnh Hoàn (VHC)
Số CP SGC nắm giữ	0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Các cam kết nắm giữ (nếu có): không	
Những người có liên quan nắm giữ CP SGC	Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

TP Cao Lãnh, ngày 20 tháng 05 năm 2021

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên



NGUYỄN THỊ KIM ĐÀO